

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THÀNH NHÂN

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN
TỪ THỰC TIỄN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS. TS. NGUYỄN THỊ VIỆT HƯƠNG**

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CẢM ƠN

Luận văn tốt nghiệp cao học với đề tài “*Giáo dục pháp luật cho sinh viên từ thực tiễn các trường đại học, cao đẳng của tỉnh Bình Định*” được thực hiện tại Học viện Khoa học xã hội và đã hoàn thành đúng hạn.

Xin trân trọng cảm ơn Quý thầy cô, cán bộ quản lý Học viện đã nhiệt tình giảng dạy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, nghiên cứu trong 2 năm vừa qua tại Học viện.

Có được kết quả này, xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đến Phó giáo sư - Tiến sỹ Nguyễn Thị Việt Hương, người đã tận tâm giúp đỡ, trực tiếp hướng dẫn nghiên cứu khoa học nghiêm túc.

Chân thành cảm ơn lãnh đạo Trường Đại học Quy Nhơn đã hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian, tài chính để tôi có thể tham gia học tập và hoàn thành khóa học. Cảm ơn người thân, bạn bè, đồng nghiệp, anh chị em học viên cùng khóa học đã hỗ trợ, giúp đỡ, chia sẻ, động viên những lúc khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Ghi nhận và chân thành cảm ơn lãnh đạo Trường đại học Quang Trung, Trường cao đẳng nghề Quy Nhơn, Trường cao đẳng Bình Định, Trường cao đẳng nghề Cơ điện - Xây dựng - Nông lâm Trung bộ, Trường cao đẳng Y tế, Văn phòng tham mưu Công an tỉnh Bình Định, Sở Tư pháp tỉnh Bình Định, Cục Thống kê tỉnh Bình Định đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong việc thu thập văn bản, thống kê số liệu và các bạn sinh viên của 2 trường Đại học Quy Nhơn, Cao đẳng nghề Quy Nhơn đã nhiệt tình cộng tác đánh giá khảo sát góp phần cho luận văn thêm sinh động, thực tế.

Một lần nữa trân trọng cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn nghiên cứu khoa học của Phó giáo sư - Tiến sỹ Nguyễn Thị Việt Hương.

Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào.

Tác giả luận văn

Lê Thành Nhân

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục pháp luật cho sinh viên	7
1.2. Các thành tố của giáo dục pháp luật cho sinh viên	14
1.3. Các yếu tố tác động đến hiệu quả giáo dục pháp luật cho sinh viên	26
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH	36
2.1. Các yếu tố đặc thù của tỉnh Bình Định có tác động đến hoạt động giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bình Định	36
2.2. Thực tiễn giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng tại tỉnh Bình Định.....	46
CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN TỪ THỰC TIỄN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH	61
3.1. Quan điểm nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho sinh viên từ thực tiễn các trường đại học, cao đẳng tỉnh Bình Định	61
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho sinh viên từ thực tiễn các trường đại học, cao đẳng tỉnh Bình Định.....	63

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CD	: Cao đẳng
ĐH	: Đại học
GDPL	: Giáo dục pháp luật
PBGDPL	: Phổ biến, giáo dục pháp luật
SV	: Sinh viên
UBND	: Ủy ban nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa quan trọng đó Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác PBGDPL. Trong rất nhiều văn kiện của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã đề cập đến công tác này, đặc biệt Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đã khẳng định *“Phổ biến, giáo dục pháp luật (GDPL) là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng”*[4] mà trong đó, GDPL là một bộ phận quan trọng.

Giáo dục pháp luật trong nhà trường, đặc biệt trong các trường ĐH, CĐ góp phần đào tạo nhân lực, hình thành một cách vững chắc những thế hệ công dân có trình độ đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội ở hiện tại và cho tương lai đất nước. Do đó, Đảng và Nhà nước đã đưa ra những nghị quyết, chỉ thị có nội dung *“xây dựng và nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân cần đưa việc GDPL vào các trường học, các cấp học, từ phổ thông đến đại học, trung học chuyên nghiệp cùng toàn thể nhân dân”* như: *“các cấp ủy Đảng, các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể phải thường xuyên giải thích pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, đưa việc GDPL vào các trường học, các cấp học, xây dựng ý thức sống có pháp luật và tôn trọng pháp luật”* [9]; *“coi trọng công tác giáo dục tuyên truyền, giải thích pháp luật, đưa việc dạy pháp luật vào hệ thống các trường của Đảng, của Nhà nước (kể cả các*

trường phổ thông, đại học) của các đoàn thể nhân dân” [9]. Trên tinh thần ấy, các cơ quan chức năng đã phối hợp, từng bước triển khai việc đưa GDPL vào các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; đổi mới chương trình, mục tiêu giáo dục ở các hệ đại học, cao đẳng. Trong chương trình chính khóa, GDPL trong nhà trường thực hiện thông qua việc dạy và học các môn học pháp luật hoặc lồng ghép, tích hợp vào các môn học có liên quan. Bên cạnh đó, GDPL cho học sinh, sinh viên (SV) được nhà trường các cấp thực hiện thông qua các hoạt động ngoại khóa.

Đất nước mở cửa từng bước hội nhập, các thế hệ trẻ trong đó đặc biệt là giới SV có ý chí vươn lên trong học tập, có hoài bão hướng ra thế giới hiện đại phát triển từng ngày, từng giờ. Tuy nhiên, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, kinh tế mở cửa và do nhiều nguyên nhân khác, hành vi lệch chuẩn của thanh thiếu niên có xu hướng ngày càng tăng, trong đó không ít là lực lượng SV các trường ĐH, CĐ - những người chủ tương lai của đất nước. Bên cạnh đó, trong thời gian khá dài, công tác tuyên truyền, GDPL còn hạn chế dẫn tới tình trạng vi phạm pháp luật trong giới trẻ nói chung và SV nói riêng có chiều hướng gia tăng.

Xét đến cùng, những hạn chế này do nhiều nguyên nhân. Đó có thể coi là kết quả của sự không đồng bộ trong giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Có thể là ở việc nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác GDPL ở một số trường học chưa đúng mức; ở chương trình nội dung GDPL còn dàn trải chưa thống nhất trong hệ thống; ở hình thức và phương thức GDPL còn chậm đổi mới; ở hoạt động giáo dục ngoại khóa còn đơn điệu, thiếu hấp dẫn; ở đội ngũ nhà giáo và cán bộ làm công tác GDPL còn thiếu về số lượng; ở năng lực, tâm huyết của một số cán bộ làm công tác giáo dục, giảng dạy pháp luật chưa đáp ứng được nhu cầu trong công việc; ở cơ chế phối hợp giữa các chủ thể GDPL. Chính vì vậy mà tôi chọn đề tài: “*Giáo*

dục pháp luật cho sinh viên từ thực tiễn các trường ĐH, CĐ của tỉnh Bình Định” nhằm đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ tỉnh nhà trong giai đoạn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

GDPL luôn giữ vị trí quan trọng trong đời sống xã hội, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và những người làm công tác thực tiễn. Có thể giới thiệu một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

- Cuốn sách *“Bàn về GDPL”* của 2 tác giả Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai; *“Giáo dục pháp luật trong nhà trường”* của tác giả Nguyễn Đình Đăng Lục; *“Giáo dục quyền con người - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* do GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên; *“Công tác phổ biến, GDPL trong nhà trường”* của các tác giả Nguyễn Huy Bằng, Phạm Thị Kim Dung, Đặng Thị Thu Huyền.

- Công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ: *“Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật”* (1995) của tác giả Đào Trí Úc; *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về GDPL trong công cuộc đổi mới”* của Viện Khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư pháp; *“Giải pháp nâng cao chất lượng công tác phổ biến, GDPL trong ngành giáo dục”* của Viện Khoa học giáo dục Việt Nam;

- Luận án: *“Giáo dục ý thức pháp luật với việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”* của tác giả Trần Ngọc Đường; *“Ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa và GDPL cho nhân dân lao động Việt Nam”* của tác giả Nguyễn Đình Lộc; *“Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”* của tác giả Nguyễn Quốc Sứ (2010).

- Luận văn: *“Công tác tuyên truyền, GDPL ở nước ta”* (1995) của tác giả Hồ Quốc Dũng; *“GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số từ thực tiễn tỉnh Gia Lai”* (2014) của tác giả Nguyễn Công Sơn; *“GDPL trong trường trung*

học phổ thông từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam”(2014) của tác giả Lê Thị Bích Hằng.

- Bài viết trên các tạp chí: “*Giáo dục pháp luật cho nhân dân*” của tác giả Nguyễn Ngọc Minh, Tạp chí Cộng sản số (1983); “*Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDPL*” của tác giả Trần Thị Sáu, Tạp chí nghiên cứu lập pháp (2008); “*Giáo dục pháp luật trong nhà trường - Những vấn đề đặt ra hiện nay*” của tác giả Phạm Kim Dung (2006), “*Xây dựng lối sống theo pháp luật và vấn đề GDPL trong nhà trường*”(2001), Tạp chí Dân chủ và pháp luật; “*Đẩy mạnh việc dạy và học pháp luật trong các nhà trường theo tinh thần Chỉ thị 32 - CT/TW của Ban Bí thư*” của tác giả Nguyễn Tất Viễn (2004), Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.

Cho đến nay có rất nhiều đề tài nghiên cứu xung quanh vấn đề về GDPL cho SV như: “*GDPL trong các trường không chuyên luật*” đề tài cấp Bộ của Viện Khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư pháp (2000); “*Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam*” của tác giả Phan Hồng Dương (2014); “*Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học - Một yêu cầu cấp bách hiện nay*” của tác giả Vũ Thị Hồng Vân; “*Vai trò của giáo dục đạo đức, GDPL cho sinh viên hiện nay*” của tác giả Nguyễn Thị Hoàn, “*Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học môn Pháp luật đại cương cho sinh viên đại học Thủy lợi hiện nay*” của tác giả Lê Văn Thơi.

Ở mỗi đề tài nghiên cứu, cách tiếp cận và mục tiêu là khác nhau. Tuy nhiên, chưa có một tác giả nào nghiên cứu về GDPL cho SV tỉnh Bình Định. Luận văn là chuyên khảo nghiên cứu có hệ thống về GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ tỉnh Bình Định.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn hướng tới mục tiêu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và nhu

câu tăng cường GDPL cho SV trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Định. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ trên địa bàn cả nước nói chung, trên địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ các khía cạnh lý luận và pháp luật liên quan đến GDPL cho SV.
- Đi sâu đánh giá thực trạng công tác GDPL cho SV trong các trường ĐH, CĐ trên địa bàn tỉnh Bình Định; chỉ rõ những kết quả đạt được, thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân của nó.
- Đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ trên địa bàn cả nước nói chung, tại tỉnh Bình Định nói riêng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Hệ thống quy định pháp luật về giáo dục và GDPL
- Thực trạng GDPL cho SV tại tỉnh Bình Định
- Kinh nghiệm GDPL cho SV tại một số địa bàn trong nước

4.2. Phạm vi nghiên cứu

GDPL cho SV thuộc hình thức đào tạo chính quy trong các trường ĐH, CĐ không chuyên luật trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2011 đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục, phổ biến, GDPL.

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn sử dụng các phương pháp như: phương pháp điều tra, khảo sát, thống kê tình hình GDPL cho SV từ thực tiễn các trường ĐH, CĐ của tỉnh Bình Định. Trên cơ sở kết quả đó so sánh, phân

tích, đánh giá kết quả, tổng hợp và đưa ra một số quan điểm, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDPL cho SV nói chung, GDPL cho SV Bình Định nói riêng.

6. Ý nghĩa lí luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lí luận của luận văn

Luận văn góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận liên quan đến GDPL cho sinh viên.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Luận văn đánh giá khách quan về thực trạng GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ Bình Định, thông qua đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Kết quả nghiên cứu luận văn có giá trị tham khảo cho công tác nghiên cứu, quản lý và thực tiễn triển khai hoạt động GDPL cho SV ở Việt Nam hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật về GDPL cho SV.

Chương 2. Thực trạng GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Định.

Chương 3. Quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL cho SV từ thực tiễn các trường ĐH, CĐ tỉnh Bình Định hiện nay.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục pháp luật cho sinh viên

1.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật cho sinh viên

1.1.1.1. Giáo dục pháp luật

Cho đến nay, ở nước ta vẫn có những quan điểm khác nhau về GDPL. Về cơ bản, có thể nhận diện 4 nhóm quan điểm chính:

Nhóm quan điểm thứ nhất cho rằng GDPL là một bộ phận của giáo dục chính trị, tư tưởng và của giáo dục đạo đức. Theo quan điểm này, thì chỉ cần tiến hành giáo dục chính trị, tư tưởng hay đạo đức là mọi chủ thể trong xã hội có ý thức pháp luật, có sự tự giác, tôn trọng và tuân theo pháp luật. Nghĩa là nếu tiến hành giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức tốt thì trên thực tế có thể đạt được sự tôn trọng pháp luật của công dân. Ở quan điểm này đã không cân nhắc đến tính độc lập tương đối mang tính thực chất của GDPL, chưa xác định rõ những điểm tương đồng và những điểm khác biệt của các dạng thức giáo dục đó. Pháp luật và đạo đức cũng là những khái niệm tuy có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng là những khái niệm độc lập với nhau. Pháp luật và đạo đức là hai hình thái của ý thức xã hội nhưng đều có các chức năng là nhận thức, điều chỉnh, giáo dục. Do vậy, GDPL và giáo dục đạo đức là những khái niệm độc lập có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chứ không là một. GDPL hình thành nên, củng cố và phát triển ở đối tượng giáo dục những quan niệm về cái thiện, cái ác, lương tâm, danh dự, trách nhiệm, về lòng tự trọng, về công bằng, về hạnh phúc, về những quy tắc đánh giá, điều chỉnh hành vi ứng xử giữa con người với con người, giữa cá nhân và xã hội.

Nhóm quan điểm thứ hai, đồng nhất GDPL với tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Trong hoạt động khoa học và cuộc sống hàng ngày chúng ta vẫn thường sử dụng các khái niệm: tuyên truyền pháp luật, phổ biến pháp luật, giải thích pháp luật, GDPL. Nhìn nhận chung, mọi người đều cho rằng đó là các dạng hoạt động nhằm hướng đến việc hình thành và nâng cao văn hoá pháp luật, ý thức pháp luật trong xã hội. Tuy vậy, đó là những khái niệm không hoàn toàn đồng nhất với nhau.

“*Tuyên truyền* là việc giải thích rộng rãi để thuyết phục mọi người tán thành, ủng hộ, làm theo” [24]; là “đem chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước phổ biến và giải thích cho đông đảo quần chúng biết và động viên mọi người thực hiện” [15]. Từ đó có thể hiểu khái quát về *tuyên truyền pháp luật* là việc công bố, giới thiệu rộng rãi nội dung của pháp luật cho mọi người biết; động viên, thuyết phục mọi người thực hiện theo đúng. “*Phổ biến* là làm cho đông đảo mọi người biết đến một vấn đề, một tri thức bằng cách truyền đạt trực tiếp hay thông qua hình thức nào đó”[24]; hay là “làm cho mọi người đều biết đến”[15]. Giống như tuyên truyền, phổ biến cũng có đối tượng tác động rộng rãi. Tuy nhiên, phổ biến có điểm khác với tuyên truyền ở chỗ tính động viên, tính thuyết phục của phổ biến không cao như tuyên truyền. Như vậy, có thể hiểu *phổ biến pháp luật* là làm cho mọi người biết về pháp luật. “*Giáo dục* là hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức nhằm bồi dưỡng cho người ta những phẩm chất đạo đức và tri thức cần thiết để người ta có khả năng tham gia mọi mặt của đời sống xã hội” [24]. Giống như tuyên truyền, phổ biến, GDPL cũng nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết, tình cảm, nhưng phương thức tiến hành chặt chẽ hơn, có kế hoạch hơn, đối tượng được xác định rõ hơn, mục đích rõ ràng hơn.

Từ đó 3 khái niệm có vẻ tương đồng có thể hiểu khái quát GDPL là hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức nhằm bồi dưỡng cho đối

tượng được giáo dục những phẩm chất đạo đức và tri thức pháp luật cần thiết để đối tượng được giáo dục có khả năng tham gia mọi mặt đời sống xã hội. Có lẽ vì vậy mà các bài viết khoa học pháp lý ở nước ta cho thấy các tác giả có cách hiểu khá thống nhất về khái niệm GDPL, đó là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ đích của chủ thể giáo dục tác động đến đối tượng giáo dục một cách có hệ thống và thường xuyên, nhằm mục đích hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm pháp luật và hành vi phù hợp với đòi hỏi của pháp luật hiện hành. Cách tiếp cận này là phù hợp với bản chất của pháp luật, ý thức pháp luật của người dân và điều kiện lịch sử cụ thể ở Việt Nam hiện nay hơn.

Nhóm quan điểm thứ ba cho rằng GDPL đồng nghĩa với dạy và học pháp luật ở các nhà trường, còn việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật được tiến hành ngoài xã hội và không phải là GDPL. Quan điểm như vậy về GDPL là hạn hẹp. Giảng dạy pháp luật trong trường học được thực hiện đối với một nhóm đối tượng nhất định trong xã hội với những điều kiện nhất định về chương trình, nội dung, đội ngũ giáo viên, phương tiện, phương pháp giảng dạy... phù hợp với từng đối tượng cụ thể ở các bậc học. Giảng dạy pháp luật là một trong những hình thức GDPL ở nước ta. Như vậy, GDPL nói chung không đồng nghĩa với dạy và học pháp luật trong nhà trường và đào tạo người làm việc trong lĩnh vực pháp luật. GDPL có nghĩa rộng hơn, có hình thức thực hiện đa dạng hơn, trong đó việc dạy và học pháp luật trong nhà trường là một bộ phận quan trọng giúp đối tượng có nhận thức, hiểu biết cơ bản và tạo niềm tin một cách có cơ sở đối với pháp luật.

Nhóm quan điểm thứ tư cho rằng không có khái niệm GDPL. Theo quan điểm này, pháp luật là quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung và mọi chủ thể có nghĩa vụ phải tuân theo pháp luật, do vậy, không cần đặt ra vấn đề GDPL. Đây là quan điểm một chiều và chưa thấy hết được vai trò, giá trị, nội dung rộng lớn của pháp luật, của GDPL.

GDPL đã và đang được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, yêu cầu “tăng cường công tác GDPL, nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được thi hành một cách nghiêm minh, thống nhất và công bằng” [12, tr 57-58] luôn là bức thiết trong chỉ đạo chỉ đạo hoạt động.

Từ các phân tích trên luận văn đưa ra quan niệm về GDPL như sau: *GDPL là loại hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ đích của chủ thể giáo dục thông qua các hình thức, phương pháp khác nhau, tác động đến đối tượng giáo dục một cách có hệ thống nhằm hình thành ở họ tri thức, giá trị pháp luật, sự tôn trọng pháp luật, tình cảm và hành vi phù hợp với pháp luật hiện hành để từ đó xây dựng lối sống và văn hoá pháp luật.*

1.1.1.2. Giáo dục pháp luật cho sinh viên

Tiếp cận đầu tiên với khái niệm có thể thấy đây là công tác GDPL cho một đối tượng rất cụ thể, đó là SV.

Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: “SV là người đang học ở bậc đại học”[24]; Khoản 1 Điều 83 Luật Giáo dục 2005 quy định “Người học bao gồm: “SV của trường cao đẳng, trường đại học” [3]. Vì vậy có thể khái niệm “SV là người học trình độ đào tạo đại học và cao đẳng trong các trường ĐH, CĐ”. SV được Nhà nước công nhận qua những bằng cấp đạt được trong quá trình học ở các hình thức đào tạo chính quy và không chính quy khi đã hoàn thành bậc học tiểu học và trung học. Trường ĐH và trường CĐ là các đơn vị cơ sở đào tạo bậc đại học nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, hiện nay được tổ chức theo hình thức công lập và tư thục gồm: các trường cao đẳng nghề (Điểm b, Khoản 1, Điều 36, Luật Giáo dục đại học)[4]; các trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng; các trường đại học đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sỹ, tiến sỹ (Khoản 1, Điều 42, Luật Giáo dục đại học)[4]. Đây là môi trường với đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng cao trong hệ thống giáo dục

quốc dân về tài chính, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đa môn học, ngành nghề, nhân viên hành chính, bảo vệ, cán bộ y tế, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học. Ở đó người học là SV được truyền đạt kiến thức cơ bản hoàn chỉnh về một ngành nghề cụ thể, chuẩn bị đầy đủ lý thuyết và một phần thực tiễn cho công việc sau này khi tham gia vào lao động, sản xuất.

Từ các dẫn giải, có thể nêu khái niệm GDPL cho SV như sau: *GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ là hoạt động có định hướng, có tổ chức có chủ đích của các chủ thể GDPL trong các trường ĐH, CĐ tới SV thông qua các hoạt động giáo dục chính khóa và ngoại khóa bằng các phương pháp giáo dục khác nhau nhằm trang bị tri thức pháp luật cơ bản, định hướng, phát triển nhân cách và tư cách công dân, nâng cao nhận thức, góp phần điều chỉnh hành vi, hình thành thói quen tự giác xử sự đúng pháp luật, có ý thức tuân thủ pháp luật, có tri thức pháp luật về chuyên môn nghiệp vụ, ngành nghề mình được đào tạo.*

Trong phạm vi nghiên cứu giới hạn của luận văn, “SV” được hiểu là người học trình độ đào tạo ĐH, CĐ theo hình thức chính quy tập trung trong các trường ĐH, CĐ không chuyên luật. Các trường ĐH, CĐ không chuyên luật được hiểu là các đơn vị đào tạo các ngành nghề khác nhau nhưng không đào tạo ngành luật.

1.1.2. Đặc điểm của giáo dục pháp luật cho sinh viên

GDPL cho đối tượng nào thì GDPL mang màu sắc riêng của đối tượng ấy. Với SV, những điểm riêng đó là:

Xét về góc độ sinh lý, tự nhiên thì SV thuộc nhóm tuổi thanh niên từ 18-25, những công dân thành niên trẻ, với sức khỏe sung mãn nhất và trí tuệ vừa đủ chín đang chuẩn bị bước vào quá trình lao động sản xuất, làm ra của cải vật chất.

Xét về giai tầng trong xã hội thì SV là tầng lớp đặc biệt. SV là nhóm người trẻ tuổi, có vị trí chuyên tiếp, chuẩn bị cho đội ngũ tri thức có trình độ và nghề nghiệp tương đối cao trong xã hội. Họ sẽ là nguồn dự trữ chủ yếu cho đội ngũ chuyên gia theo các nghề nghiệp khác nhau trong cấu trúc của các tầng lớp tri thức xã hội.

Xét về tư cách công dân, SV - đó là những công dân thực sự của đất nước với đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ trước pháp luật. Họ có đầy đủ các quyền tự do, dân sự, kinh tế, chính trị và phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi và việc làm trước Hiến pháp, Bộ luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân gia đình, Luật bầu cử,... Xã hội coi SV là một thành viên chính thức, một người trưởng thành.

Xét về góc độ xã hội, SV thực hiện một vai trò đặc biệt trong hệ thống phân công lao động xã hội bằng việc tham gia lao động sản xuất dưới hình thức học tập tạo nên ở họ có một lối sống tích cực, chủ động học tập, tự chủ nghiên cứu khoa học, thực hành nghề.

Cho nên GDPL cho SV mang đặc điểm khác biệt so với GDPL cho các đối tượng khác.

Thứ nhất, đối tượng GDPL là SV, là công dân thành niên, là người học ở trình độ đào tạo cao của hệ thống giáo dục quốc dân, thuộc top trên của mặt bằng dân trí nên chủ thể GDPL phải là người có tri thức pháp luật ở mức độ phải cao hơn đối tượng, có tri thức nhất định về nghề nghiệp mà đối tượng được đào tạo, có nghiệp vụ sư phạm bên cạnh những phẩm chất tốt đẹp để không chỉ là tuyên truyền, là phổ biến pháp luật mà mục đích cuối cùng là mục tiêu của giáo dục đại học Việt Nam. Chủ thể GDPL đại diện cho trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, xã hội thực hiện nhiệm vụ. GDPL cho SV là mối quan hệ GDPL giữa các đối tượng công dân thành niên có học thức, có trình độ và có chuyên môn nghề nghiệp nhất định, cho nên song hành với việc

truyền thụ tri thức pháp luật cơ bản thì việc giáo dục tri thức pháp luật liên quan ngành nghề đào tạo là rất quan trọng và cần được đảm bảo.

Thứ hai, nội dung, chương trình của GDPL cho SV phải đảm bảo phải đảm bảo các yêu cầu chung của một công dân, yêu cầu riêng của trình độ ngành nghề mà SV theo học trong tính liên thông, hệ thống với các cấp học tiểu học, trung học trước đó. Việc chuẩn về nội dung, cân đối về chương trình còn phải đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề và theo quy định là bắt buộc.

Thứ ba, nội dung GDPL được thể hiện qua hình thức và phương pháp GDPL phù hợp với đối tượng trong và ngoài môi trường của họ, đó là các nhà trường đại học, cao đẳng. Ở đó giáo dục chính khóa đóng vai trò quan trọng và ngoại khóa là không thể thiếu.

1.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho sinh viên

Vai trò của GDPL bắt nguồn từ vai trò và giá trị xã hội của giáo dục và của pháp luật. Bên cạnh đó vai trò của GDPL còn xuất phát từ bản chất và đặc điểm của đối tượng mà nó tác động. GDPL cho SV có các vai trò sau:

Thứ nhất, góp phần thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong đời sống xã hội, pháp luật giữ vai trò quan trọng, xét trên bình diện chung nhất pháp luật là phương tiện để thể chế hóa đường lối chính sách của Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo đó được thực hiện có hiệu quả trên quy mô toàn xã hội, là phương tiện để nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội, là phương tiện để nhân dân phát huy dân chủ và quyền làm chủ, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Để đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật thì một yếu tố quan trọng hàng đầu là phải quán triệt cụ thể nó vào trong đời sống thực tiễn.

Thứ hai, nâng cao nhận thức và hiểu biết về pháp luật cho SV. SV là những người gánh vác tương lai của đất nước, là nhân tố quyết định cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Để có kiến thức về pháp luật vững

vàng, có hành vi xử sự phù hợp với các chuẩn mực pháp luật trong cuộc sống thì SV phải được giáo dục, đào tạo, thông qua việc GDPL ở trường học. Trách nhiệm GDPL của nhà trường ĐH, CĐ là cung cấp cho SV tri thức pháp luật, am hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình về việc mà pháp luật quy định, được phép làm những việc mà pháp luật cho phép và không làm những việc mà pháp luật nghiêm cấm từ đó áp dụng vào công tác thực tiễn nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bản thân, gia đình, xã hội và sẵn sàng tư thế hội nhập quốc tế. Vì vậy có thể nói, GDPL cho SV chính là hình thành ở sinh viên, tri thức pháp luật, lòng tin, tình cảm đối với pháp luật để có hành vi xử sự hợp pháp, tích cực, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng tạo nên nếp sống văn hóa pháp lý.

Thứ ba, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong thực tiễn cuộc sống của SV. Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích mà các chủ thể pháp luật bằng hành vi của mình thực hiện các quy định bằng việc tuân thủ, thi hành và sử dụng pháp luật. GDPL trong nhà trường ĐH, CĐ không chỉ làm sâu sắc hơn tri thức pháp luật cho SV mà còn hướng đối tượng vào việc tuân thủ, thi hành đúng và kỹ năng áp dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống, nghề nghiệp tương lai. Nhìn thấy được giá trị mà pháp luật mang lại khi pháp luật ấy đi vào cuộc sống, SV có ý thức “sống và làm việc theo pháp luật” bền vững. Hơn thế nữa, khi ý thức ấy được nâng lên bằng tình cảm, thiện cảm với pháp luật, SV lúc này từ đối tượng GDPL có thể sẽ là một chủ thể tuyên truyền, phổ biến trong cộng đồng mà SV sinh sống.

1.2. Các thành tố của giáo dục pháp luật cho sinh viên

1.2.1. Mục tiêu giáo dục pháp luật cho sinh viên

Từ khi chủ trương “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật” được nêu thành một nguyên tắc nguyên tắc Hiến định, thì GDPL trở thành một nhiệm vụ quan trọng. GDPL được coi là một trong những việc làm quan trọng có ý

nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN.

GDPL trước hết chính là giáo dục. Cho nên mục tiêu GDPL cho SV phải đảm bảo các mục tiêu chung của giáo dục, giáo dục đại học.

Với mục tiêu giáo dục Việt Nam là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân, đáp ứng nhu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [5], Luật Giáo dục đại học hoạch định chiến lược, chính sách giáo dục có mục tiêu chung và mục tiêu riêng rõ ràng. Mục tiêu chung, đó là đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế và đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân [6]. Mục tiêu cụ thể, đó là đào tạo trình độ cao đẳng để SV có kiến thức chuyên môn cơ bản, kỹ năng thực hành thành thạo, hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành được đào tạo và đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo [6].

Từ đó việc GDPL cho SV phải đảm bảo các mục tiêu đó là:

Thứ nhất, hình thành và mở rộng tri thức pháp luật cho SV . Thông qua

GDPL để SV được trang bị những tri thức cơ bản về pháp luật, vai trò điều chỉnh của pháp luật, các chuẩn mực của pháp luật trong từng lĩnh vực đời sống. Hình thành tri thức pháp luật là nền móng cơ bản để xây dựng tình cảm pháp luật, giúp SV hiểu hơn về pháp luật và biết cách đánh giá đúng đắn các hành vi. Tri thức pháp luật góp phần định hướng cho lòng tin vào các giá trị pháp luật, tạo cơ sở hình thành hành vi hợp pháp cho sinh viên, đồng thời giúp SV điều khiển hành vi của mình trên cơ sở các chuẩn mực pháp lý, tri thức pháp luật đã nhận thức được.

Thứ hai, hình thành, bồi dưỡng, phát triển niềm tin pháp luật cho SV. Niềm tin pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng hành vi, lòng tin vững chắc vào pháp luật là cơ sở để hình thành động cơ hợp pháp. Trong cuộc sống, có nhiều trường hợp những người có kiến thức pháp luật nhưng không có niềm tin vào pháp luật. Khi con người tin vào tính công bằng của những đòi hỏi của quy phạm pháp luật thì không cần một sự tác động bổ sung nào của Nhà nước để thực hiện những đòi hỏi đó. Có niềm tin và tính công bằng của pháp luật SV sẽ có hành vi phù hợp với các đòi hỏi của pháp luật một cách độc lập, tự nguyện. Có tri thức về pháp luật chưa có nghĩa là đã có tình cảm đúng đắn và lòng tin vào pháp luật. Đó mới chỉ là cơ sở nhận thức, tạo niềm tin bên trong ở mỗi sinh viên. Do vậy, việc biến nhận thức thành niềm tin, động cơ bên trong cho SV là yêu cầu quan trọng để SV tham gia quan hệ xã hội với đầy đủ tư cách công dân với ngành nghề được đào tạo. Thiếu tự tin, thiếu tình cảm sẽ không tạo ra được các hành vi hợp pháp và khả năng chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh mà thay vào đó là những phản ứng ngược, vi phạm pháp luật, lách luật.

Thứ ba, giáo dục ý thức nhân cách, rèn luyện thói quen, hành vi tuân thủ pháp luật cho SV. GDPL là nhằm hình thành ý thức pháp luật cho mỗi sinh viên. Kết quả cuối cùng của GDPL phải được thể hiện ở hành vi xử sự phù hợp

với pháp luật. Giáo dục tri thức pháp luật, bồi dưỡng niềm tin pháp luật là tiền đề để giáo dục ý thức nhân cách, rèn luyện thói quen, hành vi tuân thủ pháp luật, hình thành động cơ và hành vi tích cực hợp pháp. Những hành vi hợp pháp của mỗi người, thường được biểu hiện qua các việc làm: tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ pháp lý của công dân, biết đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật... để đạt đến mục đích cuối cùng của GDPL cho SV chính là hình thành ở mỗi SV ý thức pháp luật bền vững.

1.2.2. Chủ thể, đối tượng giáo dục pháp luật cho sinh viên

1.2.2.1. Chủ thể GDPL cho SV

Chủ thể GDPL là tất cả những người mà theo chức năng, nhiệm vụ hay trách nhiệm xã hội tham gia vào việc thực hiện GDPL. Xét về tính chuyên nghiệp, chủ thể GDPL phân chia thành 2 loại: chủ thể chuyên nghiệp và chủ thể không chuyên nghiệp. Trong GPPL cho sinh viên, chủ thể GDPL chuyên nghiệp là giảng viên luật, các báo cáo viên, tuyên truyền viên về pháp luật. Chủ thể GDPL không chuyên nghiệp là những người mà chức năng chính không phải là GDPL, nhưng một trong những nhiệm vụ của họ là thông qua hoạt động để thực hiện mục đích của GDPL như cán bộ quản lý, lãnh đạo, công chức, viên chức. Về cơ bản, chủ thể GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ bao gồm:

Thứ nhất, các cán bộ lãnh đạo, quản lý các trường đại học, cao đẳng. Họ vừa là chủ thể tổ chức hoạt động GDPL vừa là chủ thể trực tiếp GDPL cho SV. Nhiệm vụ quan trọng nhất, thường xuyên nhất của cán bộ lãnh đạo, quản lý các trường ĐH, CĐ trong hoạt động GDPL cho SV là tổ chức các hoạt động GDPL cho SV. Bên cạnh đó trong nhiều trường hợp cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý các trường ĐH, CĐ còn tham gia trực tiếp vào hoạt động GDPL cho SV thông qua các hoạt động phổ biến pháp luật với vai trò giảng viên, báo cáo viên. Thực tế ở nhiều trường đại học, cao đẳng, vai trò của cán

bộ lãnh đạo, quản lý là yếu tố đầu tiên, quyết định đối với công tác này.

Thứ hai, giảng viên giảng dạy pháp luật. Giảng viên giảng dạy pháp luật giữ vai trò quyết định trong hoạt động GDPL cho SV. Họ là người cung cấp tri thức pháp luật, hướng dẫn lĩnh hội và là tấm gương trong việc thực hiện pháp luật đối với sinh viên. Yêu cầu đặt ra là đội ngũ này cần phải hiểu rất rõ đối tượng giáo dục của mình, nắm vững các tri thức pháp luật, có tình cảm pháp luật đúng mực và có nghiệp vụ sư phạm tốt.

Thứ ba, viên chức, giảng viên giảng dạy các chuyên ngành khác chuyên ngành pháp luật. Đây là những người có chức năng, nhiệm vụ chính không phải là GDPL cho SV nhưng thông qua hoạt động chuyên môn của mình góp phần thực hiện các mục đích, mục tiêu của GDPL cho SV.

Nhìn chung, chủ thể GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ hầu hết là người có trình độ học vấn, chuyên môn cao, nhiều trong số đó có khả năng sư phạm tốt. Đây là đặc điểm riêng biệt của chủ thể GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ mà các chủ thể của các hoạt động GDPL cho các đối tượng khác không có được. Có thể coi các chủ thể GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ vừa là người giảng dạy chuyên môn, ngành nghề vừa là người giáo dục nhân cách, đồng thời cũng là những người truyền thụ tri thức pháp lý. Nhưng có thể thấy chủ thể có tác động, ảnh hưởng nhiều nhất đối SV các trường ĐH, CĐ đó là các giảng viên giảng dạy pháp luật trong các trường ĐH, CĐ.

1.2.2.2. Đối tượng GDPL cho sinh viên

Đối tượng của GDPL cho SV không ai khác chính là SV. SV trong các trường ĐH, CĐ - họ là những người thành niên, đã trải qua học tập và rèn luyện trong suốt quá trình học phổ thông. Khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng, SV trở thành những người lao động có tri thức và trình độ chuyên môn nghề nghiệp cao. SV- người được GDPL (đối tượng giáo dục) chịu sự tác động có tổ chức định hướng, vì thế sự hiểu biết, trình độ, đặc điểm tâm, sinh lý, nghề

nghiệp của người được giáo dục là yêu cầu hàng đầu. Đồng thời người giáo dục có trách nhiệm nắm vững tri thức pháp luật, biết cách giáo dục, nhất định phải là tấm gương mẫu mực về sự tôn trọng và chấp hành pháp luật.

Mặc dù ở mỗi SV trình độ đào tạo cao đẳng hay đại học, họ có những đặc điểm, khả năng riêng nhưng nhìn chung đó là những hoạt động cơ bản sau, đó là :

Thứ nhất, hoạt động học tập nhằm chiếm lĩnh hệ thống tri thức. Hoạt động học tập trong các trường ĐH, CĐ không mang tính phổ thông mà mang tính chất chuyên ngành, phạm vi hẹp hơn, sâu sắc hơn, nhằm đào tạo những chuyên gia, những trí thức cho tương lai.

Thứ hai, song song với hoạt động học tập, ở bậc ĐH, CĐ SV phải tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học là kết quả, là ứng dụng tích cực, chủ động của những gì đã được tiếp thu từ giáo dục, đào tạo. Hoạt động này chiếm vị trí ngày càng quan trọng.

Thứ ba, cùng với học tập và nghiên cứu khoa học SV còn tham gia hoạt động học nghề. Việc học nghề ở đây khác với việc học nghề truyền thống hoặc ở các trường dạy nghề. Đó là tính chất nghề của những cử nhân, những chuyên gia tương lai. Việc học nghề của những cử nhân tương lai chủ yếu tập trung vào những hành động, những kỹ thuật, những nguyên tắc chung có tính chất trí óc là chính.

Như vậy, trong hoạt động học tập, những SV cần thiết phải lĩnh hội tri thức của chuyên ngành khoa học, đồng thời phải nắm được nguyên tắc, cách thức, chuẩn mực nghề nghiệp để làm một chuyên gia sau này. Đó chính là những nét riêng trong hoạt động học tập của những SV trên giảng đường các trường đại học, cao đẳng.

Bên cạnh hoạt động học tập của SV là các hoạt động chính trị - xã hội khác. Đây cũng là một nội dung hoạt động đặc trưng ở sinh viên. Việc tham

gia của họ vào các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội chữ thập đỏ, Hội từ thiện vừa có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển nhân cách toàn diện của họ, vừa góp phần không nhỏ vào sự thành công của các thể chế chính trị - xã hội.

Bao quát hơn tất cả các hoạt động phong phú, đa dạng của SV là những quan hệ giao lưu, giao tiếp với hàng loạt mối quan hệ xã hội đan xen với nhau. Bản thân mỗi SV đã là tổng hòa các mối quan hệ xã hội [21, tr 11]. Những mối giao lưu này mang tính phức hợp giữa cá nhân SV với các bạn bè, các tổ chức, các nhóm xã. Hoạt động giao lưu này chiếm vị trí quan trọng trong sự phát triển đời sống tâm lý, nhân cách, hành động của sinh viên.

1.2.3. Nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho sinh viên

1.2.3.1. Nội dung GDPL cho SV

Nội dung GDPL là yếu tố quan trọng của quá trình GDPL. Việc xác định đúng nội dung GDPL là sự đảm bảo cần thiết để GDPL có hiệu quả thiết thực. Nội dung cơ bản của GDPL được xác định với các mức độ thích hợp cho từng loại đối tượng trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu, đặc điểm của từng đối tượng. Nội dung GDPL cơ bản được xác định theo 3 cấp độ: cấp độ một là yêu cầu tối thiểu về nội dung GDPL cho mọi công dân; cấp độ hai là yêu cầu riêng về GDPL theo nhu cầu ngành, nghề; cấp độ ba là yêu cầu về GDPL chuyên ngành cho những người hành nghề pháp luật.

Nội dung GDPL như trên bao gồm phạm vi tương đối rộng và mức độ yêu cầu cao, thấp khác nhau, do đó nội dung GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ phải có những nét riêng biệt, vì đây là một hình thức GDPL đặc thù với SV- đối tượng có mục tiêu GDPL gắn liền với mục tiêu giáo dục - đào tạo. Đó là:

Thứ nhất, nội dung giáo dục pháp luật cho SV các trường ĐH, CĐ phải phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học nói chung và mục tiêu ngành đào tạo nói riêng.

Nội dung, chương trình GDPL cho SV phải đảm bảo trang bị kiến thức và kỹ năng về pháp luật của SV để rèn luyện, hình thành nhân cách SV trước hết với tư cách là một công dân để tham gia vào các quan hệ xã hội. Bên cạnh đó nội dung GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ cũng phải xuất phát từ yêu cầu chung của đào tạo đại học, cao đẳng; đồng thời căn cứ vào từng trường và từng ngành đào tạo để xác định những nhu cầu riêng để từ đó xác định mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể mà xây dựng chương trình, lựa chọn phương pháp và hình thức giáo dục phù hợp.

Thứ hai, nội dung GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ phải đảm bảo tính cơ bản, tính liên thông, tính hệ thống và tính ổn định.

Nội dung GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ trước hết phải mang tính cơ bản vì đó là trang bị cho SV những tri thức pháp luật và kỹ năng pháp luật cơ bản nhất để những SV làm tốt vai trò và trách nhiệm của một công dân trong xã hội cùng với kỹ năng pháp luật đối với ngành nghề đào tạo. Vì vậy những yêu cầu cơ bản này phải đòi hỏi cao hơn mức độ thông thường của mỗi công dân.

GDPL là một bộ phận của giáo dục; trường đại học, trường cao đẳng là các đơn vị cơ sở của hệ thống giáo dục quốc dân, do vậy chương trình giáo dục ĐH, CĐ nói chung và chương trình GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ nói riêng phải mang tính liên thông và hệ thống từ các chương trình GDPL ở bậc phổ thông.

Bên cạnh đó nội dung GDPL trong các trường ĐH, CĐ rất cần có tính ổn định tương đối. Tính chất này giải quyết được vấn đề thuận lợi trong việc xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, trong việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nhưng nhược điểm của nó là nội dung ít được bổ sung sửa đổi để phù hợp với sự thay đổi pháp luật.

Thứ ba, phạm vi và mức độ nội dung GDPL cho SV phải phù hợp với nhu cầu của ngành đào tạo. GDPL là giáo dục với mục đích trang bị tri thức

pháp luật, bồi dưỡng tình cảm, tâm lý pháp luật, hướng dẫn hình thành thói quen xử sự tích cực theo pháp luật đã quyết định nội dung và phạm vi GDPL tương đối rộng, nó bao gồm: các vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; các quy định pháp luật cụ thể; tình hình thực hiện pháp luật và vi phạm pháp luật; kỹ năng thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật; kết quả nghiên cứu, điều tra xã hội học về pháp luật và ý thức pháp luật.

Vì vậy, nội dung GDPL có thể phân ra thành các mức độ theo các yêu cầu: một là yêu cầu tối thiểu về nội dung GDPL cho mọi công dân; hai là yêu cầu riêng về GDPL theo nhu cầu ngành nghề; ba là yêu cầu về GDPL chuyên ngành cho những người hành nghề pháp luật. Trong ba mức độ yêu cầu về nội dung GDPL nói trên, thì GDPL cho SV ĐH, CĐ đào tạo theo hình thức chính quy tập trung trong phạm vi của luận văn này đòi hỏi nội dung ở mức độ thứ nhất và mức độ thứ hai.

Thứ tư, nội dung GDPL cho SV phải phản ánh được thực tiễn đời sống xã hội, của đất nước, thực tiễn giáo dục đại học nói chung và đào tạo ngành nghề nói riêng. Việc xác định nội dung giáo dục đại học nói chung, nội dung GDPL cho SV nói riêng phải xuất phát từ thực tiễn phong phú, đa dạng của đời sống xã hội, của cách mạng khoa học kỹ thuật, của nền kinh tế tri thức, của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Thực tiễn đó cần được phản ánh đậm nét trong nội dung các môn học pháp luật. Điều đó thể hiện mối quan hệ tương tác giữa mục đích, nội dung và môi trường trong quy trình đào tạo ở đại học.

Vì thế nên trong thực hiện triển khai Luật Phổ biến, GDPL 2012 các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định nội dung GDPL trong chương trình giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học đó là trang bị kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, kiến thức pháp luật liên quan đến ngành, nghề đào tạo [31].

1.2.3.2. Chương trình giáo dục pháp luật cho sinh viên

Chương trình GDPL là một thành tố của GDPL cho SV. Chương trình GDPL thể hiện tiêu chuẩn trình độ, đối tượng, điều kiện học tập, mục tiêu GDPL, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học, khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thời gian, phương pháp, hình thức, cách thức đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình, tài liệu học tập.

Với những giới hạn về thời gian và khối lượng kiến thức cần chuyển tải của cả chương trình đào tạo ĐH, CĐ, GDPL cho SV bên cạnh chương trình chính khóa phải bổ sung thêm chương trình giáo dục ngoại khóa để làm sâu sắc hơn tri thức pháp luật đã được truyền thụ chính khóa. Với chương trình GDPL chính khóa là bắt buộc hay tự chọn là tùy vào quy định của Bộ chủ quản. Chương trình chính khóa chủ yếu là thực hiện qua môn học Pháp luật đại cương hay Lí luận nhà nước và pháp luật. Ở Việt Nam, từng có một thời gian dài, các môn học này thuộc học phần tự chọn của sinh viên. Hiện nay học phần này là bắt buộc kể từ thực hiện Chỉ thị số 45/2007/CT-BGDĐT ngày 17/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác phổ biến, GDPL trong ngành giáo dục. Theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì môn Pháp luật đại cương phải bao gồm những kiến thức về nhà nước và pháp luật, quan hệ trách nhiệm pháp lý, các quy phạm pháp luật, văn bản pháp luật, hệ thống pháp luật, cấu trúc bộ máy nhà nước, chức năng thẩm quyền, địa vị pháp lý của cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước Việt Nam.

Chương trình GDPL cho SV trang bị kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật đảm bảo phù hợp chuyên môn ngành nghề đào tạo. Mức độ phù hợp bên cạnh việc sắp xếp, bố trí, kết cấu chương trình là những tiêu chí để đánh giá chương trình GDPL hiệu quả hay không.

1.2.4. Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho sinh viên

1.2.4.1. Hình thức GDPL cho sinh viên

Hình thức GDPL là các hoạt động cụ thể để tổ chức quá trình GDPL thể hiện nội dung GDPL. Hình thức GDPL có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả GDPL. Việc áp dụng hình thức trong GDPL phải lựa chọn, sử dụng trên cơ sở phù hợp với điều kiện, đặc điểm của đối tượng giáo dục từ đó lựa chọn phương pháp, nội dung GDPL thích hợp.

Việc lựa chọn hình thức GDPL thường dựa trên tiêu chí: tính phù hợp với đối tượng GDPL; tính khả thi trong điều kiện thực hiện; tính hiệu quả của hình thức được chọn đối với đối tượng được GDPL. Theo đó, GDPL cho SV là quá trình tổ chức GDPL, chuyển tải nội dung GDPL cho SV- một đối tượng đặc biệt, ở trong một môi trường đặc biệt và sẽ giữ vị trí đặc biệt trong tương lai của gia đình, cộng đồng, quốc gia, quốc tế. Vì vậy hình thức GDPL cho đối tượng này đòi hỏi tính linh hoạt, đa dạng và khách quan.

Quá trình GDPL cho SV được thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động dạy học chính khóa là môn pháp luật đại cương, các môn pháp luật liên quan chuyên ngành và hoạt động GDPL ngoại khóa. Hình thức dạy học chính khóa được quy định trong các chương trình đào tạo các ngành hiện nay do Bộ giáo dục và Đào tạo quy định.

Đối với GDPL ngoại khóa, trừ “tuần sinh hoạt công dân” đầu khóa là bắt buộc, còn các hoạt động khác là do các nhà trường ĐH, CĐ chủ động tổ chức thực hiện. Hình thức GDPL ngoại khóa chủ yếu được thực hiện thông qua các hình thức như tham gia các câu lạc bộ pháp luật, tham gia các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật, tham gia các hoạt động tình nguyện.

1.2.4.2. Phương pháp GDPL cho sinh viên

Phương pháp là hệ thống cách thức sử dụng để tiến hành hoạt động GDPL. Là một thành tố cấu thành quá trình giáo dục, phương pháp GDPL

cho SV chịu tác động định hướng của mục đích, nhiệm vụ giáo dục nói chung và của giáo dục đại học nói riêng được quy định bởi nội dung GDPL và đặc điểm của đối tượng giáo dục đó là những SV trong các trường ĐH, CĐ. Hiện nay, theo quan điểm tiếp cận của khoa học giáo dục thì phương pháp GDPL gồm có các nhóm phương pháp đó là: các phương pháp tác động đến nhận thức, các phương pháp tác động đến tình cảm, các phương pháp hình thành hành vi thói quen. Còn theo quan điểm tiếp cận của các nhà khoa học pháp luật thì phương pháp GDPL bao gồm: phương pháp áp dụng trong các hoạt động GDPL cụ thể (phương pháp thuyết giảng, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp đóng vai...) và các phương pháp tổ chức GDPL. Theo đó, về cơ bản, phương pháp GDPL cho SV bao gồm các nhóm phương pháp sau:

Thứ nhất, nhóm phương pháp thuyết phục. Đây là nhóm phương pháp GDPL cơ bản tác động lên nhận thức và tình cảm của SV nhằm hình thành nên khái niệm, tri thức và niềm tin đúng đắn về pháp luật, tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen và hành vi xử sự theo yêu cầu của pháp luật. Phương tiện được sử dụng trong nhóm phương pháp này phong phú và đa dạng như ngôn ngữ, sách báo, khẩu hiệu, các phương tiện kỹ thuật hiện đại, phát thanh, truyền hình, internet.

Thứ hai, nhóm phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kinh nghiệm ứng xử trong quan hệ xã hội. Quá trình GDPL cho SV không chỉ hình thành cho SV tri thức pháp luật, niềm tin vào các chuẩn mực pháp luật, hơn nữa là phải thể hiện được bằng hành vi, thói quen tuân theo pháp luật. GDPL là sự thống nhất giữa ý thức và hành vi, là quá trình biến những nhận thức, tình cảm thành hành vi hợp pháp, những hành vi ứng xử thành thói quen tuân theo pháp luật của sinh viên. Mục đích chủ yếu của nhóm phương pháp này là hình thành ở SV những hành vi phù hợp với quy định của pháp luật, hình thành phẩm chất trách nhiệm công dân và hành vi hợp pháp.

Thứ ba, nhóm các phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử xã hội. Nhóm phương pháp này có khả năng to lớn trong việc động viên SV phát huy mọi sức lực và tinh thần, thể chất, tình cảm và trí tuệ để đạt hiệu quả cao nhất khi tham gia vào các hoạt động GDPL cũng như tham gia vào các hoạt động xã hội. Đặc điểm của phương pháp này là có tác dụng tích cực, thúc đẩy các hành vi hợp pháp của sinh viên, khắc phục, ngăn ngừa những hành vi lệch chuẩn, không hợp pháp. Cụ thể ở đây là việc khen và chê, khuyến khích và trách phạt. Khuyến khích, khen thưởng là phương pháp để củng cố và kích thích những động cơ và hành vi đúng đắn. Trách phạt là phương pháp nhằm ức chế, kìm hãm và điều chỉnh hành vi không phù hợp với các chuẩn mực xã hội.

1.3. Các yếu tố tác động đến hiệu quả giáo dục pháp luật cho sinh viên

1.3.1. Các yếu tố chủ quan

1.3.1.1. Yếu tố tâm, sinh lý của sinh viên và trạng thái ý thức pháp luật của sinh viên

Như phân tích ở các phần trên, SV là một tầng lớp xã hội, một tổ chức xã hội quan trọng đối với mọi thể chế chính trị. Thanh niên SV là nhóm người mang sứ mệnh chuyển tiếp cho một đội ngũ tri thức có trình độ và nghề nghiệp tương đối cao trong xã hội. Các tổ chức chính trị, xã hội, dòng họ, gia đình đều có nhiều kỳ vọng đối với họ. Tất cả những điều này làm cho bản thân SV nhận thức được vai trò, vị trí xã hội của mình.

Hơn hết thảy, SV là những công dân thực thụ của đất nước với đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ trước nhà nước và pháp luật. Tuy nhiên, do đang ngồi trên ghế nhà trường, chưa tham gia trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất nên thanh niên SV chưa hoàn toàn tự lập về mọi mặt so với những thanh niên cùng độ tuổi phải vào đời sớm, va vấp sớm, có kinh nghiệm sống sớm hơn,

cho nên ở đây tính chất trưởng thành của SV có những nét đặc trưng riêng khác với thanh niên nói chung.

Trong khoa học pháp lý, *ý thức pháp luật* được hiểu một cách chung nhất là tổng thể những học thuyết, tư tưởng, quan điểm, quan niệm hình thành trong xã hội; thể hiện mối quan hệ giữa con người với pháp luật hiện hành, pháp luật đã qua và pháp luật cần phải có, thể hiện sự đánh giá về tính hợp pháp hay không hợp pháp trong hành vi xử sự của con người, cũng như trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội.

Xét theo chủ thể của ý thức pháp luật, ý thức pháp luật gồm có ý thức pháp luật cá nhân, ý thức pháp luật nhóm và ý thức pháp luật xã hội. Theo sự phân chia này ý thức pháp luật của SV là ý thức pháp luật của nhóm xã hội, thể hiện năng lực nhận thức các quy phạm pháp luật, trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật, lối sống theo pháp luật. Theo cách hiểu như vậy, ý thức pháp luật của SV có ảnh hưởng rất quan trọng đến hoạt động GDPL cho chính bản thân đối tượng này. Khi SV có ý thức pháp luật ở một trình độ nhất định, thì họ biết rõ năng lực nhận thức các quy phạm pháp luật, trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của bản thân biết rõ mình đang cần cái gì, thiếu cái gì để nhằm đáp ứng yêu cầu công tác chuyên môn sau này để đưa ra các đề xuất về mục đích, mục tiêu, nội dung phương pháp GDPL. Thêm vào đó, ý thức pháp luật trở thành động lực nội tại thúc đẩy họ nhiệt tình tham gia học tập các môn pháp luật. Ngược lại, nếu ý thức pháp luật của SV còn ở trình độ thấp, hoạt động GDPL phải được tổ chức có trọng tâm, trọng điểm thông qua các nội dung, phương pháp và hình thức phù hợp với từng loại đối tượng.

Có thể nói, SV là nhóm xã hội mà công việc chủ yếu của họ là học tập và nghiên cứu tại trường đại học, cao đẳng. Do vậy, ý thức pháp luật của SV chưa thật đầy đủ, toàn diện, sâu sắc như một số nhóm xã hội khác như cán bộ khoa học pháp lý, cán bộ, công chức, viên chức. Sự hiểu biết pháp luật của

SV ở phân đoạn đầu, đang từng bước được hình thành, bồi đắp và làm sâu sắc thêm quá trình học tập và sinh hoạt dưới sự tác động ảnh hưởng của gia đình, nhà trường và xã hội. Hiện nay, trong nhà trường đại học, cao đẳng, SV chưa được giáo dục, đào tạo về pháp luật một cách chuyên sâu, có hệ thống, ngoài xã hội chưa được tham gia vào nhiều hoạt động pháp luật thực tiễn cho nên những hiểu biết về pháp luật, những quan niệm về giá trị pháp luật, về cơ quan pháp luật ở SV còn hạn chế.

1.3.1.2. Mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật

Một hệ thống pháp luật được đánh giá là hoàn thiện khi đảm bảo được các tiêu chuẩn cơ bản là tính toàn diện, tính thống nhất, tính phù hợp và trình độ kỹ thuật pháp lý được sử dụng để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Với GDPL cho SV cũng vậy.

Thứ nhất, mức độ toàn diện của hệ thống pháp luật tạo điều kiện cơ bản, thuận lợi để tổ chức và triển khai hoạt động GDPL cho SV, là cơ sở để cung cấp toàn diện, đầy đủ, có hệ thống các kiến thức pháp luật cơ bản và những ngành luật cụ thể liên quan đến các ngành đào tạo của sinh viên.

Thứ hai, mức độ thống nhất của hệ thống pháp luật bao hàm cả thống nhất về cả hình thức và nội dung. Điều này đòi hỏi các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành không chỉ bảo đảm sự thống nhất, hài hòa về nội dung mà còn phải bảo đảm tính thứ bậc của mỗi văn bản về giá trị pháp lý của chúng. Khi hệ thống pháp luật đảm bảo được tính thống nhất thì các trường ĐH, CĐ mới có cơ sở để xây dựng chương trình, hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo thống nhất chung trong toàn hệ thống các trường ĐH, CĐ cũng như phù hợp với đặc thù của từng nhóm đối tượng SV đang học ở từng ngành, từng lĩnh vực khác nhau. Qua đó, công tác GDPL cho SV được triển khai một cách có chất lượng, hiệu quả.

Thứ ba, mức độ phù hợp của hệ thống pháp luật thể hiện hệ thống pháp luật được hình thành do nhu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội, hướng các quan hệ xã hội đó phát triển theo một trật tự mà Nhà nước thiết tha mong muốn thiết lập. Hệ thống pháp luật được xây dựng, ban hành phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi của các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, theo kịp thực tiễn cuộc sống sẽ giúp hoạt động GDPL cho SV thiết thực, có hiệu quả, tránh được bệnh hình thức, giáo điều, hướng tới trang bị cho SV những kiến thức pháp luật mà thực sự cần với tư cách chủ thể pháp luật, phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai, với những tình huống pháp luật cụ thể mà thực tiễn cuộc sống đang đặt ra. Ngược lại, nếu hệ thống pháp luật không phù hợp, không bám sát thực tiễn thì dầu phương pháp, hình thức GDPL có đổi mới thế nào đi chăng nữa cũng khó mà hấp dẫn được SV, bởi nó không giúp giải quyết được những vướng mắc mà họ gặp trong thực tiễn cuộc sống, làm cho hoạt động GDPL sẽ chỉ là hình thức. Bên cạnh đó hệ thống pháp luật phù hợp với các quy phạm đạo đức và các quy phạm xã hội khác là điều kiện góp phần thuận lợi cho hoạt động GDPL cho SV phát huy hiệu quả. Đặc biệt trong các trường ĐH, CĐ thì GDPL và giáo dục đạo đức cho SV là hai nội dung có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau bổ sung cho nhau nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

Thứ tư, trình độ kỹ thuật pháp lý. Kỹ thuật pháp lý là là tổng thể những phương pháp, phương tiện được sử dụng trong quá trình soạn thảo và hệ thống hoá pháp luật nhằm đảm bảo cho pháp luật có được đầy đủ các khả năng để điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội. Tiêu chuẩn kỹ thuật pháp lý này đòi hỏi một hệ thống pháp luật hoàn thiện phải là một hệ thống được xây dựng với trình độ kỹ thuật pháp lý cao.

Mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ. Vì vậy,

muôn đạt được mục đích của công tác GDPL cho SV, chúng ta phải không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở các tiêu chí trên.

1.3.2. Các yếu tố khách quan

1.3.2.1. Yếu tố kinh tế - xã hội

Khi nghiên cứu mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng, người ta thường nhấn mạnh đến vai trò quyết định của yếu tố kinh tế, của sản xuất vật chất đối với sự phát triển các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Khả năng tác động của yếu tố kinh tế - xã hội đối với hiệu quả GDPL biểu hiện trên các phương diện cụ thể sau:

Thứ nhất, khi kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân nói chung và của SV, gia đình họ được đảm bảo sẽ tạo điều kiện để SV yên tâm học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp, hiểu biết pháp luật để phục vụ bản thân và cống hiến được nhiều hơn cho xã hội.

Thứ hai, khi kinh tế phát triển, đời sống vật chất được cải thiện và nâng cao, SV có điều kiện cập nhật thông tin để thỏa mãn các nhu cầu thông tin pháp luật ngày càng đa dạng, phong phú; các chương trình phổ biến, GDPL sẽ dễ dàng đến được với nhiều sinh viên; nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu trang bị thông tin, kiến thức, hiểu biết pháp luật sẽ trở thành nhu cầu tự nhiên của SV và ngược lại, kinh tế chậm phát triển, đời sống vật chất gặp nhiều khó khăn thì ý thức tích cực, chủ động tham gia các hoạt động GDPL của SV khó có thể được nâng cao. Bên cạnh đó, cơ chế kinh tế cũng ảnh hưởng tới hoạt động GDPL cho sinh viên. Khi đời sống vật chất và tinh thần được đảm bảo cho gia đình và cho bản thân, ý thức pháp luật của SV sẽ được nâng cao, GDPL nhờ đó sẽ thêm thuận lợi và hiệu quả hơn. Nhưng mặt trái của kinh tế thị trường cũng tạo nên tâm lý coi tiền là tất cả, bất chấp các giá trị đạo đức, chuẩn mực pháp luật tạo ra những quan niệm, hành vi sai lệch, lấy đồng tiền làm thước đo để đánh giá các quan hệ xã hội. Điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt

động GDPL cho SV khi mà các yếu tố tâm lý và nhân cách còn bị tác động mạnh bởi môi trường xung quanh, dễ bị ảnh hưởng của tâm lý coi trọng giá trị vật chất, không chịu khó học tập rèn luyện trong nhà trường, dẫn đến tình trạng tiêu cực trong học tập và các tệ nạn xã hội.

Thứ ba, kinh tế phát triển, nguồn thu ngân sách nhà nước và các nguồn thu khác ngày tăng, Nhà nước và các trường ĐH, CĐ có điều kiện hơn để đầu tư cho công tác GDPL. Điều đó có tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL cho sinh viên. Ngược lại, nếu điều kiện kinh tế không cho phép, nguồn chi ngân sách của Nhà nước và của các trường ĐH, CĐ cho hoạt động GDPL hạn chế thì hoạt động GDPL cho SV khó mà đạt được kết quả như mong muốn.

1.3.2.2. Yếu tố chính trị - xã hội

Thứ nhất, môi trường chính trị - xã hội của đất nước ổn định, phát triển bền vững là chứng minh hùng hồn của việc thể chế đường lối, chính sách của đảng cầm quyền, nhà nước lãnh đạo là đúng đắn, phù hợp. Môi trường chính trị - xã hội ổn định còn là điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành các hoạt động GDPL cho SV, là tiền đề để họ tiếp nhận kiến thức pháp luật trong quá trình được GDPL. Ngược lại, môi trường chính trị bất ổn, các thiết chế chính trị không phát huy được vai trò điều tiết, điều chỉnh các quan hệ chính trị thường là nguyên nhân gây tâm lý bất an trong các tầng lớp xã hội nói chung và cho SV nói riêng.

Thứ hai, ý thức chính trị của các chủ thể và đối tượng tham gia hoạt động GDPL cho SV cũng có ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động này. Thực tế cho thấy, với tư cách chủ thể quản lý, tổ chức, triển khai hoạt động GDPL, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, giảng viên các trường ĐH, CĐ có ý thức chính trị cao, quan tâm đến công tác GDPL cho SV bằng những nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục phù hợp, hiện đại thì công tác GDPL cho SV thực

sự có chất lượng. Ngược lại, sự nhận thức, ý thức chính trị thấp thì hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động GDPL, hoạt động giảng dạy pháp luật cho SV mang tính hình thức, chất lượng hiệu quả GDPL thấp. Về phía SV nếu ý thức được rằng tham gia vào quá trình GDPL không chỉ nhằm nâng cao kiến thức và hiểu biết pháp luật mà còn góp phần phục vụ chuyên môn nghề nghiệp tương lai sau này khi ra công tác thì chắc chắn là hoạt động GDPL sẽ đạt chất lượng và hiệu quả cao.

Thứ ba, tính chất, mức độ của nền dân chủ cũng có tác động quan trọng tới hoạt động GDPL cho SV. Trong điều kiện xã hội có nền dân chủ rộng rãi, thông tin đa dạng, đa chiều, phong phú, quy chế dân chủ ở cơ sở được phát huy chính là điều kiện thuận lợi, là cơ sở để hoạt động GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ được triển khai có hiệu quả vì SV có điều kiện chủ động, tích cực tham gia vào hoạt động GDPL với ý thức, trách nhiệm thực sự của họ. Còn trong điều kiện xã hội thiếu dân chủ, thông tin một chiều, thiếu khách quan, thì khi đó hoạt động GDPL cho SV khó mà đạt được hiệu quả cao.

1.3.2.3. Yếu tố văn hóa - xã hội

Môi trường văn hóa gắn liền với phạm vi không gian và thời gian nhất định, nơi các cá nhân và cộng đồng xã hội tổ chức các hoạt động sống, lao động, sinh hoạt, cùng nhau tạo dựng, thừa nhận và chia sẻ các giá trị văn hóa, lối sống, phong tục, tập quán, tôn giáo và tín ngưỡng. Các yếu tố văn hóa có ảnh hưởng tới hoạt động GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ ở nước ta hiện nay bao gồm: các giá trị văn hóa truyền thống, văn hóa pháp luật, lối sống, các phong tục, tập quán trong xã hội, dư luận xã hội và thông tin đại chúng. Các yếu tố trên, ở chừng mực khác nhau tác động đến GDPL cho SV bao gồm cả những tác động tích cực và cả tác động tiêu cực.

Thứ nhất, các giá trị văn hóa truyền thống là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc sáng tạo ra trong quá trình dựng

nước và giữ nước. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử bằng ý trí, nghị lực, sáng tạo và kiên cường đấu tranh nhân dân ta đã xây dựng nên một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Những yếu tố văn hóa này, nếu biết khơi gợi, kích lệ hợp lý sẽ có tác dụng tích cực đối với hoạt động GDPL cho SV.

Thứ hai, văn hóa pháp luật, với tư cách là một bộ phận hợp thành của nền văn hóa dân tộc có tác động mạnh mẽ tới hoạt động GDPL cho SV. Văn hóa pháp luật bao gồm 3 nhân tố: ý thức pháp luật, hệ thống pháp luật và trình độ, kỹ năng, nghệ thuật sử dụng pháp luật. Văn hóa pháp luật chỉ có thể hình thành trên nền tảng ý thức pháp luật, nhận thức về các giá trị của pháp luật. Văn hóa pháp luật được thể hiện ra trong đời sống pháp luật, thông qua quá trình thực hiện pháp luật bằng hành vi pháp luật của các chủ thể pháp luật, trong đó có sinh viên. Văn hóa pháp luật và hoạt động GDPL cho SV có tác động tương hỗ. Một mặt, hoạt động GDPL góp phần nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật, nghĩa là nâng cao trình độ văn hóa pháp luật cho SV thông qua đó nâng cao văn hóa pháp luật của xã hội. Mặt khác, văn hóa pháp luật lại tác động tích cực đến hoạt động GDPL cho SV, vì chính văn hóa pháp luật sẽ đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của hoạt động này.

Thứ ba, lối sống - một thành tố của văn hóa cũng có ảnh hưởng quan trọng tới hoạt động GDPL cho SV. Lối sống là tổng thể các nét cơ bản đặc trưng của phương thức hoạt động, sống, lao động và sinh hoạt của các giai cấp, dân tộc, các cộng đồng xã hội trong những điều kiện xã hội nhất định về mặt lịch sử. Đối với SV đang là lứa tuổi còn chịu nhiều tác động của các yếu tố bên ngoài, chưa thật sự trưởng thành về mặt tâm lý nên những ảnh hưởng về lối sống của gia đình, xã hội và cộng đồng xung quanh có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình GDPL cho SV.

Thứ tư, các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, phát thanh, truyền hình, mạng Internet..) trong thế giới bùng nổ thông tin hiện nay, ảnh hưởng là rất lớn. Một mặt, chuyên tải các thông tin, tri thức pháp luật, giải thích pháp luật phục vụ công tác GDPL. Mặt khác, là nơi SV có thể nêu lên các thắc mắc, đề xuất các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL. Từ đó, giúp cho các chủ thể GDPL có thể đưa ra những điều chỉnh, thay đổi hợp lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL cho SV. Tuy nhiên ở đây cũng cần phải lưu ý những mặt tích cực và hạn chế của mạng Internet, đặc biệt đây là kênh thông tin mà đối tượng SV sử dụng nhiều nhất, hầu như trong mọi hoạt động của mình từ học tập, giải trí, thông tin, do vậy chúng ta phải có sự quản lý hạn chế các mặt tiêu cực và đề cao các mặt tích cực để thực sự là một công cụ phục vụ đắc lực và hiệu quả trong công tác GDPL cho SV. Đây là việc hoàn toàn không đơn giản và đòi hỏi sự quan tâm của nhiều các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan trong công tác chỉ đạo cũng như thực hiện.

Kết luận chương 1

Qua nghiên cứu những vấn đề lý luận về GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ có thể đưa ra những nhận định sau:

GDPL là loại hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ đích của chủ thể giáo dục thông qua các hình thức, phương pháp khác nhau, tác động đến đối tượng giáo dục một cách có hệ thống nhằm hình thành ở họ tri thức, giá trị pháp luật, sự tôn trọng pháp luật, tình cảm và hành vi phù hợp với pháp luật hiện hành để từ đó xây dựng lối sống và văn hoá pháp luật.

GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ đích của các chủ thể GDPL trong các trường ĐH, CĐ tới SV thông qua các hoạt động giáo dục chính khóa và ngoại khóa bằng các phương pháp giáo dục khác nhau nhằm trang bị tri thức pháp luật cơ bản, định hướng, phát triển nhân

cách và tư cách công dân, nâng cao nhận thức, góp phần điều chỉnh hành vi, hình thành thói quen tự giác xử sự đúng pháp luật, có ý thức tuân thủ pháp luật, có tri thức pháp luật về chuyên môn nghiệp vụ, ngành nghề mình được đào tạo.

GDPL cho SV là hoạt động GDPL đặc biệt quan trọng vì đây là quá trình tổ chức GDPL, chuyển tải nội dung GDPL cho sinh viên - một loại đối tượng đặc biệt với những đặc điểm tự nhiên, tâm sinh lý đặc trưng của lứa tuổi thanh niên, ý thức pháp luật bước đầu đã có nền móng bằng các hình thức và các nhóm phương pháp chung của giáo dục và riêng của lĩnh vực trong một môi trường đặc biệt là các trường ĐH, CĐ qua một đội ngũ giáo dục trình độ về chuyên môn pháp luật, đa dạng về ngành nghề đào tạo.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. Các yếu tố đặc thù của tỉnh Bình Định có tác động đến hoạt động giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bình Định

2.1.1. *Khái quát về tỉnh Bình Định và hệ thống các trường ĐH, CĐ trên địa bàn tỉnh Bình Định*

2.1.1.1. *Khái quát về tỉnh Bình Định*

Bình Định là 1 trong 5 tỉnh, thành phố ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, được xác định sẽ trở thành tỉnh có nền công nghiệp hiện đại và là một trong những trung tâm phát triển về kinh tế - xã hội, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước (theo Quyết định số 54/2009/QĐ-TTg ngày 14/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

Nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung, trung điểm của trục giao thông đường sắt và đường bộ Bắc - Nam Việt Nam đồng thời là cửa ngõ ra biển Đông gần nhất và thuận lợi nhất của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Đông Bắc Thái Lan thông qua Quốc lộ 19 và cảng biển quốc tế Quy Nhơn nên Bình Định có vị trí địa kinh tế quan trọng trong việc giao lưu với các quốc gia ở khu vực và quốc tế. Tuy vậy sự phát triển về tổng thể vẫn chưa thật bức phá, Bình Định vẫn là một tỉnh nghèo với thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 chỉ 3.208.000 đồng/người ở thành phố và 1.560.000 đồng/người ở nông thôn.

Với khí hậu nhiệt đới gió mùa, mưa nhiều nắng ít, địa hình đồi núi và chất lượng đất khô cằn không là điều kiện để nông nghiệp phát triển mặc dù cơ cấu dân cư tới 75% là nông thôn. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời

điểm 1/4/2009, dân số tỉnh Bình Định là 1.485.943 người, đến nay là khoản 1.520.000 người, tương ứng lực lượng lao động là 913.000 người (năm 2011 là 832.600). Cơ cấu lao động năm 2015 là nông - lâm - ngư nghiệp 57,5%, công nghiệp - xây dựng 20,9% và dịch vụ 21,6% lực lượng lao động. Năng suất lao động khoảng gần 50.000 đồng/lao động (năm 2011 là 31.000 đồng/lao động). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 46,0%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trong tổng số lực lượng lao động trong độ tuổi lao động đạt 32,0%. Cơ cấu lao động sơ cấp và dạy nghề dưới ba tháng là 80,0%; trình độ trung cấp nghề chiếm 13,0%; cao đẳng nghề chiếm 7,0%. 100% cán bộ, công chức của tỉnh, huyện, thành phố, thị xã đạt chuẩn chức danh theo qui định, trong đó ít nhất 5% cán bộ công chức viên chức có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và tương đương, 5% có trình độ ngoại ngữ đủ điều kiện đi đào tạo ở nước ngoài, 40% cán bộ công chức có trình độ ĐH, CĐ chuyên ngành. Đây là kết quả đạt được của giáo dục, đào tạo tỉnh nhà và những tỷ lệ này là những con số thuận lợi cho công tác GDPL.

Giáo dục - đào tạo - dạy nghề phát triển mạnh về cơ sở vật chất, mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh, đa dạng hoá các loại hình trường lớp, các loại đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và phát triển nguồn nhân lực. Toàn tỉnh có 2 trường đại học, 4 trường cao đẳng với gần 30.000 sinh viên, 50 trường THPT, 142 trường THCS, 242 trường tiểu học và 192 trường mầm non với khoản 350.000 học sinh; có 1 trung tâm GDTX cấp tỉnh và 10 trung tâm GDTX-HN, 4 trung tâm ngoại ngữ, tin học và 5 cơ sở tin học. Hệ thống trung tâm học tập cộng đồng được xây dựng và hoạt động ngày càng năng động. Tỉnh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ năm 1998, đạt phổ cập THCS năm 2004, đạt chuẩn tiểu học đúng độ tuổi vào tháng 12/2005. Hoạt động khoa học và công nghệ tập trung vào việc nghiên

cứu, ứng dụng nhằm sử dụng có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tính đến cuối năm 2015, Bình Định vẫn là một tỉnh lỵ miền Trung kém phát triển hơn nhiều so với 2 trung tâm kinh tế - chính trị - xã hội lớn 2 đầu đất nước. Là 1 trong những tỉnh có GDP thấp của cả nước. Sự kém về tài nguyên thiên nhiên, kém thuận lợi về thời tiết dẫn đến phát triển về thương mại, du lịch, sản xuất thủ công nghiệp kém; các khu công nghiệp tập trung đã không thu hút được đầu tư và nguồn nhân lực trình độ cao và cũng không giải quyết tốt được nhu cầu việc làm của lực lượng lao động, đặc biệt là lớp thanh niên nói chung và thanh niên SV nói riêng. Tuy nhiên lịch sử địa phương, văn hóa địa phương, các gia đình, giòng họ đã để lại sự kế thừa về tư tưởng đạo đức, truyền thống tốt đẹp tạo nên những nhân phẩm đáng tự hào cho con người Bình Định “văn là đây mà võ cũng là đây” với đầy đủ sự cần cù, chịu khó trong học tập, lao động, làm kinh tế với nhiều tên tuổi trên tất cả các mặt của đời sống. Giáo dục - đào tạo tỉnh nhà là nguồn cung cấp lao động phổ thông và lao động trình độ cao cho khu vực và cho cả nước, được đánh giá là có nhiều ưu điểm trong lao động, hoạt động khoa học, sản xuất.

2.1.1.2. Hệ thống các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bình Định

Bình Định là một tỉnh thành miền Trung cách xa hai trung tâm văn hóa - giáo dục phát triển ở hai đầu đất nước. Tính đến thời điểm hiện này, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 6 trường đại học, cao đẳng:

- Trường Đại học Quy Nhơn - Đại học công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường Đại học Quang Trung - Đại học dân lập, trực thuộc sự quản lý của UBND tỉnh.

- Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn thuộc Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội chủ quản, trực thuộc sự quản lý của UBND tỉnh.

- Trường Cao đẳng sư phạm Bình Định, trực thuộc UBND tỉnh.

- Trường Cao đẳng Y tế thuộc Bộ Y tế chủ quản, chịu sự quản lý của UBND tỉnh.

- Trường Cao đẳng nghề Cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung bộ thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ quản, đóng trên địa bàn tỉnh.

Các trường ĐH và CĐ nói trên thực hiện đào tạo đa dạng các ngành khoa học cơ bản và đa ngành các khối ngành kinh tế, kỹ thuật, xây dựng, y tế, nông nghiệp [*Bảng 1. Phụ lục*], cung cấp nguồn nhân lực trình độ ĐH, CĐ cho tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận trong khu vực miền Trung, Tây nguyên và trên địa bàn cả nước.

2.1.2. Thực trạng ý thức pháp luật và tình hình tuân thủ pháp luật của SV các trường ĐH, CĐ tỉnh Bình Định

2.1.2.1. Thực trạng ý thức pháp luật của sinh viên các trường đại học, cao đẳng tỉnh Bình Định

Nghiên cứu trạng thái ý thức pháp luật của SV các trường ĐH, CĐ Bình Định có thể nhận thấy rằng:

Thứ nhất, hiểu biết pháp luật chưa đầy đủ, toàn diện, thiếu chính xác và thiếu hệ thống. Có thể nói đây là đặc điểm nổi bật của SV các trường ĐH, CĐ tỉnh Bình Định, đặc biệt là SV các năm đầu. Cũng dễ hiểu vì sao như vậy. Nguyên nhân là do hầu hết các em mới rời khỏi trường phổ thông và hầu hết được các gia đình đảm bảo về cuộc sống. Sự hiểu biết pháp luật của SV mới đang từng bước được hình thành, nâng cao và sâu sắc thêm qua quá trình học tập và sinh hoạt dưới sự tác động ảnh hưởng của gia đình, nhà trường và xã hội. Trong gia đình, chính sách mỗi gia đình chỉ sinh từ 1 đến 2 con cũng đã làm cho sự bảo bọc quá kỹ lưỡng của các gia đình đối với con cái đã đến tuổi

trưởng thành kém sự tự chủ trong giao tiếp xã hội, tham gia quan hệ xã hội chủ động. Đến nhà trường, SV chưa được giáo dục về pháp luật một cách chuyên sâu có hệ thống, ngoài xã hội họ lại chưa được tham gia vào nhiều hoạt động pháp luật thực tế, chưa có kinh nghiệm thực tiễn vì thế, những hiểu biết pháp luật, những quan niệm về giá trị pháp luật, thậm chí về bộ máy Nhà nước hay đơn giản là chức năng, nhiệm vụ một cơ quan Nhà nước mà các em có nhiều trường hợp phải trực tiếp gặp gỡ, làm việc thì ở SV còn hạn chế so với các nhóm xã hội khác. Đơn cử như vụ việc một SV nữ năm nhất lên kế hoạch nhân danh Phòng Hành chính - Tổng hợp nhà trường thu các bạn cùng lớp một khoản tiền gọi tên là “tiền cơ sở vật chất” lên đến 20 triệu đồng để phục vụ cho mục đích riêng của mình, sau đó vì một số điều kiện thực hiện kế hoạch không thuận lợi nên đã trả lại cho các bạn mà không nghĩ rằng như vậy là đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Chúng ta không thể đòi hỏi ngay ở SV phải có ý thức pháp luật như các nhóm xã hội khác, tuy nhiên khi còn là SV họ cũng cần phải có một lượng tri thức pháp lý nhất định làm cơ sở để hình thành thói quen tuân thủ pháp luật, đồng thời chuẩn bị để trong tương lai không xa, sau 3 đến 4 năm, họ sẽ trở thành những công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước hoặc là các cá nhân tham gia vào các hoạt động kinh tế, chính trị. Nhất thiết SV phải là đối tượng không chỉ hiểu biết mà phải nắm chắc pháp luật. Vì vậy cần phải thấy rằng công tác GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ của tỉnh là phải làm thế nào để cho SV nhận thức pháp luật đầy đủ, chính xác và có hệ thống.

Thứ hai, hạn chế trong việc vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tế cuộc sống. Đối với SV các trường ĐH, CĐ Bình Định, do phần lớn các em còn trẻ tuổi, thiếu kinh nghiệm sống, nhận thức về cuộc sống còn đơn giản. Hơn nữa không phải lúc nào SV cũng biết đánh giá đầy đủ những hành vi xử

sự của mình trước những tình huống cụ thể để áp dụng những kiến thức pháp luật đã được học tập, hướng dẫn và giới thiệu.

Vận dụng kiến thức pháp luật vào đời sống thực tế là một vấn đề rất phức tạp, đòi hỏi sự nhận thức và vận dụng tổng hợp cao. Năng lực của đa số SV các trường ĐH, CĐ không phải ai, lúc nào cũng đáp ứng được tất cả những yêu cầu đó. Phần lớn SV các trường ĐH, CĐ ít quan tâm đến những quy định cụ thể của pháp luật. Đặc biệt các SV ở những năm đầu ĐH, CĐ còn hành động theo suy nghĩ chủ quan của mình, mang tính cảm tính; chưa chịu sự tác động trực tiếp của pháp luật, chưa có thói quen và ý thức đối chiếu, so sánh giữa hành vi của mình với những quy định nghiêm ngặt của pháp luật. Đa phần không nhận thức một cách đầy đủ về mối quan hệ giữa hành vi và trách nhiệm cá nhân đối với hành vi đó, và cũng do không nhận thức được một cách đầy đủ về hậu quả và trách nhiệm đối với hành vi do mình gây ra, cho nên không chỉ dừng lại ở các vi phạm hành chính, nội quy, quy định mà nhiều vụ án do SV gây ra với những hậu quả rất nghiêm trọng như đỉnh điểm là vụ bắt cóc rồi giết hại con trai của thầy giáo mình bằng thủ đoạn dã man, bị ỏi chỉ vì nguyên nhân hết sức đơn giản là cảm thấy bị thầy coi thường của một SV năm cuối của Trường Đại học Quy Nhơn năm 2011 để rồi phải nhận án tử hình mà vẫn còn gây nhiều bức xúc trong xã hội; hay như vụ một học sinh trường nghề hệ trung cấp chuẩn bị học tiếp tục lên hệ cao đẳng năm 2013, chỉ vì không hiểu biết pháp luật nên không kiềm chế được bản thân đã thực hiện hành vi giao cấu với bạn gái vị thành niên, hậu quả cuối cùng là bản án phạm tội “giao cấu với trẻ em” ở khung hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 115, Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cùng đó đã tự đánh mất cơ hội học tập của mình. Các hành vi phạm pháp thường được thực hiện thông qua những hành động tự phát, thiếu sự kiềm chế của ý thức tự giác dựa trên sự

hiểu biết pháp luật như hút chít ma túy và dẫn đến hành vi vận chuyển, mua bán lẻ chất gây nghiện này chẳng hạn.

Từ thực tế này cho thấy rằng GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ Bình Định không chỉ đơn thuần là chuyển tải những quy định của pháp luật mà phải làm cho SV hiểu rõ bản chất của những quy định, thấy hết ý nghĩa của những quy phạm pháp luật mà đặc biệt là phải hình thành năng lực thực hành pháp luật cho SV các trường ĐH, CĐ nhằm hình thành ở các em thói quen xử sự hợp pháp và lối sống theo pháp luật.

Thứ ba, ý thức pháp luật của SV dễ biến động, dễ chịu tác động ảnh hưởng trực tiếp của môi trường và ý thức pháp luật của những người xung quanh. Ý thức pháp luật của SV các trường ĐH, CĐ Bình Định, đặc biệt các trường cao đẳng nghề dễ biến động, dễ chịu tác động ảnh hưởng trực tiếp của môi trường và ý thức pháp luật của những người xung quanh. Trước hết, có thể nói ý thức pháp luật của SV phụ thuộc rất lớn vào trình độ nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của bố mẹ, những người thân trong gia đình, cũng như dư luận xã hội. Đơn cử như vụ việc một SV nữ năm thứ hai Đại học Quy Nhơn đã tự tạo nên tình huống cho câu chuyện bị thầy giáo “gạ tình” để làm áp lực thầy hủy biên bản vi phạm quy chế thi của mình năm 2014. Câu chuyện được sự ủng hộ của gia đình, người thân đẩy ra đến báo chí vào cuộc, cơ quan công an điều tra đến mức không chỉ làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của người thầy giáo mà chính bản thân của nữ SV cũng đánh mất cơ hội học hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nếu gia đình thay vì nghe lời con em, ngò vục với phẩm hạnh của người thầy thời nay để rồi “tiếp tay” cho con em mình thực hiện hành vi phạm tội bằng công việc dạy dỗ của người làm cha mẹ là giáo dục đạo đức, truyền thống “tôn sư trọng đạo”, “một chữ cũng thầy, nửa chữ cũng thầy” cho con thì đã không có kết cục như vậy.

Đa số SV còn phụ thuộc hoàn toàn vào gia đình về kinh tế, do đó chịu ảnh hưởng trực tiếp toàn bộ các mặt đời sống của bố mẹ và những người thân trong gia đình, bao gồm cả trình độ nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật. Mặt khác do khả năng bản thân và phát triển quan hệ xã hội của SV ngày càng lớn phù hợp với việc học tập, sinh hoạt của họ, cho nên cùng với ảnh hưởng của gia đình, lớp người này đồng thời chịu sự tác động của xã hội, nhà trường tổ chức Đoàn, Hội, nhóm bạn bè. Hoạt động của nhóm bạn bè này ảnh hưởng rất lớn đến tư cách và hành vi của các thành viên trong nhóm. Trong nhiều trường hợp nhận thức đúng đắn của một số thành viên không thoát ly được nhu cầu hành động chung của cả nhóm. Rất nhiều trường hợp, các em biết mình tham gia vào hành động chung đó là sai, là phạm pháp, song vì muốn để giữ được mối quan hệ bạn bè với nhóm, không muốn bị loại ra khỏi nhóm nên đã cùng hành động sai lầm một cách không tự giác. Một số trường hợp khác, các em bị đe dọa, khống chế của số đông thành viên trong nhóm nên mặc dù hiểu biết pháp luật song các em không đủ sức để tỏ rõ thái độ của mình mà cuối cùng đành phải thực hiện hành vi sai trái. Thực tế có những trường hợp cá nhân SV biết đánh giá so sánh các hành vi của mình với các quy định của pháp luật, song vẫn vi phạm pháp luật, động cơ duy nhất khi các em vi phạm pháp luật là chỉ nhằm bảo vệ bạn bè như che giấu, không tố giác bạn có hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến các chất gây nghiện bị pháp luật cấm. Trong những môi trường này vì trình độ am hiểu pháp luật không cao, ý thức chấp hành tuân thủ pháp luật không nghiêm nên họ đã không tránh được sự sa ngã, sai lầm một cách thiếu tự giác như vậy. Vì thế việc GDPL để nâng cao ý thức pháp luật cho sinh viên, chúng ta không chỉ quan tâm tập trung cho mỗi đối tượng này, mà phải đồng thời tác động đến những người thường xuyên giao tiếp với SV bằng các chương trình phổ biến, GDPL với nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện thích hợp và đồng

bộ. Ở đây đòi hỏi nhiều ở công tác chỉ đạo, tâm huyết của người làm công tác GDPL tỉnh nhà vì hơn ai hết, đó chính là con, là em, là thế hệ tiếp theo của chúng ta.

2.1.2.2. Tình hình tuân thủ pháp luật của SV các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Định

Tuân thủ pháp luật là thực hiện đúng những quy định của pháp luật. Tại Bình Định hiện nay có thể thấy những biểu hiện tích cực và tiêu cực, còn hạn chế của việc tuân thủ pháp luật trong SV như sau:

Thứ nhất là những biểu hiện tích cực.

Trong các báo cáo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, GDPL cho các bộ chủ quản, UBND tỉnh; báo cáo thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án 1928 của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai cho các trường mà Bộ này quản lý thì dường như công tác GDPL rất nhiều thuận lợi và đạt nhiều kết quả mỹ mãn. Đó là:

Các bộ chủ quản và UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời, thường xuyên, có kế hoạch công tác GDPL. Chương trình GDPL được thực hiện giảng dạy thông qua các giờ dạy chính khóa, ngoại khóa môn pháp luật và các câu lạc bộ pháp luật; thực hiện xây dựng và cập nhật chuyên mục thông tin phổ biến, GDPL trên trang thông tin điện tử của trường; thường xuyên xây dựng chương trình phát thanh về PBGDPL trên hệ thống loa phát thanh nhà trường; tổ chức câu lạc bộ Pháp luật, hội thi tìm hiểu pháp luật đạt kết quả tốt; thực hiện Quyết định 2824/QĐ-CTUBND ngày 06/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện “Ngày pháp luật” trên địa bàn tỉnh và các kế hoạch của UBND tỉnh về việc tổ chức Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ý nghĩa thiết thực, hiệu quả.

Đại bộ phận SV đều có ý thức tôn trọng pháp luật, chấp hành đúng nội quy, quy chế của các nhà trường; thực hiện tốt các quy tắc chung và lối sống

văn minh công cộng; có những tham gia sinh hoạt tập thể, cộng đồng, câu lạc bộ lành mạnh, đóng góp trong lao động công ích, quyên góp thiện nguyện, nhân đạo, hoạt động tình nguyện.

Kết quả giao ban quản lý sinh viên hàng năm, ngoài một số vi phạm hành chính về giao thông đường bộ, hầu như các đơn vị đều không để xảy ra vi phạm pháp luật trong sinh viên. Chẳng hạn, có đơn vị như Cao đẳng sư phạm Bình Định, 5 năm liền không có trường hợp vi phạm pháp luật hình sự, vi phạm hành chính bị xử phạt.

Tuy nhiên, bên cạnh đó là không ít những biểu hiện kém tích cực.

Theo báo cáo tổng kết của các hội nghị giao ban quản lý SV tổ chức thường niên vào các cuối năm học trong 5 năm qua, đặc biệt là 3 năm gần đây ở các trường ĐH, CĐ trong tỉnh thì tình hình SV chơi đê, trộm cắp là hiện tượng nổi bật, có nhiều trường hợp SV bị lôi kéo tham gia cá độ bóng đá rồi dần đi vào con đường mua bán ma túy, hay SV ở địa bàn này sang địa bàn khác thực hiện hành vi phạm pháp luật. Đây là những biểu hiện đáng buồn của môi trường giáo dục Bình Định. Trước đây, đã từng một thời gian rất dài, ĐH, CĐ Bình Định được đánh giá là “đại học nói không với ma túy” trong cả nước. Gần đây đã xuất hiện hiện tượng và đối tượng có chiều hướng tăng. Mặc dù các đối tượng này vẫn trong tầm kiểm soát của gia đình và cơ quan công an địa phương song sự xuất hiện của tình trạng cũng cần có sự nhìn nhận trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc GDPL cho SV.

Theo báo cáo về tình hình vi phạm pháp luật của đối tượng học sinh, SV của Công An tỉnh Bình Định thì ngày càng gia tăng trong 5 năm qua, mà trong đó có sự tham gia của không ít của các đối tượng là SV các trường ĐH, CĐ, thậm chí có vụ án giết người nghiêm trọng năm 2011. Các vi phạm chủ yếu là đánh nhau gây thương tích, trộm cắp tài sản công dân, vi phạm an toàn giao thông đường bộ. Nếu như năm 2011 số vụ xử lý vi phạm hành chính là

114/124 đối tượng thì đến cuối năm 2015 con số đó là 132/137 đối tượng; xử lý hình sự là 19/21 đối tượng tượng thì đến cuối năm 2015 con số đó là 25/26
[Bảng 7. Phụ lục]

Theo đánh giá của các báo cáo trên và qua kết quả khảo sát thì những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật trong SV hiện nay bao gồm:

Một là, bản thân một số SV thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện phấn đấu thường xuyên nên dễ bị ảnh hưởng lối sống thực dụng và sự xuống cấp của đạo đức xã hội tác động.

Hai là, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn làm cho SV phải vừa học vừa làm để kiếm tiền chi phí cho học tập, sinh hoạt hàng ngày đã ảnh hưởng đến việc học tập mà còn dẫn đến tình trạng bị lôi kéo vào con đường kiếm tiền không lành mạnh, lương thiện.

Quan trọng nhất là công tác GDPL cho SV chưa đạt hiệu quả mong muốn, chưa xây dựng được ý thức tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật cũng như thái độ đấu tranh chống tiêu cực, tội phạm, thậm chí có trường hợp không hiểu biết pháp luật đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Từ thực trạng và nguyên nhân vi phạm pháp luật, phạm tội hình sự của SV như đã nêu trên và vai trò quan trọng của GDPL đòi hỏi các cấp các ngành, nhất là ngành Giáo dục và Đào tạo mà trực tiếp là các trường ĐH, CĐ cần quan tâm hơn nữa việc GDPL cho SV.

2.2. Thực tiễn giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng tại tỉnh Bình Định

2.2.1. Thực trạng các thành tố giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng tại tỉnh Bình Định

2.2.1.1. Mục tiêu GDPL

Giáo dục đại học, cao đẳng Bình Định chịu sự điều chỉnh của 3 Bộ chuyên môn: Giáo dục - Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Nông thôn và quản lý của UBND tỉnh Bình Định. GDPL cho SV Bình Định không chỉ đảm bảo mục tiêu chung của GDPL cho SV mà còn đảm bảo mục tiêu phổ biến, giáo dục của tỉnh Bình Định. Cụ thể:

Bên cạnh việc thực hiện các kế hoạch GDPL trong nhà trường hàng năm, Đề án 1928 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì các trường ĐH, CĐ phải thực hiện các kế hoạch phổ biến giáo dục hàng năm do UBND tỉnh ban hành. Tất cả đều nhằm mục tiêu: hình thành tri thức, phát triển niềm tin và rèn luyện thói quen tuân thủ pháp luật cho SV của tỉnh nhà.

Thực tế hiện nay cho thấy việc tạo dựng cho các em có niềm tin, có thái độ đúng đắn, hành vi xử sự hợp pháp là vô cùng quan trọng góp phần nâng cao ý thức pháp luật; có hành vi tuân thủ pháp luật, biết kiểm chế bản thân để hành động đúng với quy định pháp luật. Đặc biệt, GDPL kết hợp với giáo dục - đào tạo nghề, để các em trở thành những người có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Trong sự nghiệp phát triển nguồn nhân lực cho đất nước đang đổi mới hiện nay, rõ ràng nổi lên yêu cầu cấp bách nâng cao chất lượng người lao động, đào tạo nhân tài, đào tạo con người có nhân cách phù hợp với xã hội mới. Đặc biệt là đối với SV trường ĐH, CĐ Bình Định - những công dân có trình độ cao trong tương lai, để có được điều đó cần phải có sự kết hợp nhịp nhàng, đồng bộ và hỗ trợ giữa ba môi trường: gia đình, nhà trường và xã hội tác động mạnh vào việc phát triển nhân cách toàn diện cho sinh viên. Muốn tạo ra mối quan hệ chặt chẽ đó, nhà trường ĐH, CĐ Bình Định cần phát huy vai trò trung tâm, tổ chức phối hợp, dẫn dắt nội dung phương pháp, giáo dục của gia đình và các lực lượng trong xã hội bởi nhà trường là tổ chức chuyên biệt đối với công tác GDPL, được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng và Nhà nước. Mặt khác, nhà trường là đơn vị luôn có đội ngũ giảng dạy chuyên môn,

có nghiệp vụ sư phạm, có trình độ, năng lực, đạo đức đã được đào tạo có hệ thống, đã được tuyển chọn kỹ càng.

2.2.1.2. Chủ thể và đối tượng GDPL

Chủ thể GDPL cho SV tỉnh Bình Định phải kể đến là lãnh đạo các cơ quan quản lý PBGDPL của tỉnh, lãnh đạo các nhà trường trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo hay được mời báo cáo viên; giảng viên, các viên chức phụ trách các công tác chính trị, tư tưởng cho SV - những thành viên của các ban chỉ đạo và báo cáo viên phổ biến, GDPL của các nhà trường và quan trọng nhất, chủ yếu nhất vẫn là đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật trong các trường ĐH, CĐ này.

Đội ngũ giảng viên các trường ĐH, CĐ Bình Định hiện nay so với trước đây đã tăng về cả số lượng lẫn chất lượng [*Bảng 3. Phụ lục*]. Qua tìm hiểu, khảo sát cho thấy số lượng giáo viên giảng dạy pháp luật đã được chuẩn hóa dần, các trường đều có giáo viên giảng dạy bộ môn pháp luật riêng, họ là những giảng viên trẻ. Đội ngũ này có sức khỏe tốt, nhiệt tình, hăng hái, sôi nổi, được đào tạo chính quy và hoàn toàn có khả năng và điều kiện được đào tạo ở trình độ cao hơn. Trước đây 5 năm, ở các trường cao đẳng, giảng dạy pháp luật đa phần là giảng viên giảng dạy không chuyên luật kiêm nhiệm, chủ yếu là các giảng viên Tổ các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê Nin và đến hiện nay vẫn còn tồn tại tình trạng này. Trình độ giảng viên giảng dạy pháp luật có đúng chuyên ngành đào tạo pháp luật của các trường ĐH, CĐ Bình Định hiện nay chủ yếu là trình độ cử nhân và thạc sỹ. Chỉ có riêng Đại học Quy Nhơn là 100% trình độ thạc sỹ (8/8), trong đó 01 giảng viên vừa bảo vệ thành công tiến sỹ và nhà trường này đang có đề án xin mở ngành đào tạo luật học. Trong điều kiện hiện nay với trình độ như thế thì vẫn còn thấp so với yêu cầu chung của cả nước. Đối với giảng viên ở các ngành khác giảng dạy kiêm nhiệm môn Pháp luật đại cương hay lồng ghép pháp luật ngành nghề trong các ngành đào tạo trường cao đẳng nghề thì đều có kinh nghiệm giảng dạy năm năm

trở lên, có tỉ lệ trình độ thạc sỹ cao hơn, có điều kiện tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thực tế, từ đó cũng mang lại những kết quả tốt cho giảng dạy. Hầu hết các trường đều cử cán bộ giảng viên phụ trách GDPL của nhà trường tham gia các lớp tập huấn, nghiệp vụ của các cấp các ngành liên quan tổ chức.

Đối tượng GDPL cho SV ĐH, CĐ Bình Định chính là SV của 6 trường ĐH, CĐ của tỉnh Bình Định [*Bảng 1. Phụ lục*]. SV Bình Định bao gồm: SV học hệ đào tạo cao đẳng, đại học của 2 trường đại học Quy Nhơn, Quang Trung và SV học hệ đào tạo cao đẳng của 4 trường Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Nghề Quy Nhơn, Cao đẳng Bình Định, Cao đẳng nghề Cơ điện - Xây dựng - Nông lâm Trung bộ. Nhìn chung, SV Bình Định đã có sự tuân thủ nghiêm túc pháp luật, quy định, quy chế, nội quy của bộ, ngành, địa phương, nhà trường, khoa đào tạo; chủ động lĩnh hội các kiến thức được đào tạo; chủ động tích cực học tập và tiếp xúc với doanh nghiệp, cơ quan sử dụng lao động theo đúng ngành nghề đào tạo để chuẩn bị việc làm trước khi ra trường. Ngoài việc học tập, nghiên cứu khoa học trong nhà trường, SV Bình Định đã tham gia vào các hoạt động xã hội, thiện nguyện, công ích do tổ chức đoàn các trường này tổ chức và do Đoàn thanh niên Bình Định tổ chức sôi nổi, nhiệt huyết, mang lại các giá trị hữu ích cho xã hội.

Từ khi công tác kiểm định chất lượng được quan tâm và quy định như là một kênh đánh giá chất lượng đào tạo, SV Bình Định cũng đã tích cực tham gia các đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường. Tương tác này cũng đã phần lớn có tác động gắn kết và điều chỉnh lên đối tượng GDPL trong các nhà trường, lực lượng gần như là chủ đạo trong công tác này.

2.2.1.3. Nội dung và chương trình GDPL

Nội dung, chương trình GDPL được thể hiện qua hoạt động giáo dục chính khóa và ngoại khóa.

Nội dung và chương trình đào tạo cao đẳng, đại học chính khóa được xây dựng trên quy định của 3 Bộ quản lý chuyên môn; nội dung và chương trình GDPL được thực hiện thông qua môn học thuộc phần môn học Pháp luật đại cương ở bậc đại học và pháp luật trong sự lồng ghép quản lý nghề ở bậc cao đẳng nghề là chính. Chương trình GDPL được xây dựng trên cơ sở thực hiện Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Thông tư số 57/2012/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 43/2007, Thông tư 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tư 11/2010/TT-BGDĐT ngày 23/3/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành khoa học sức khỏe, trình độ cao đẳng; Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ.

Cũng từ thực tiễn áp dụng văn bản trên mà có thể thấy một vấn đề chung cho tất cả các nhà trường CĐ, ĐH trên cả nước nói chung và Bình Định nói riêng là không có một chương trình chuẩn cho giáo dục đại học và chưa xây dựng được một giáo trình pháp luật chung cho bậc đào tạo này. Mỗi giảng viên tự soạn tập bài giảng trên cơ sở yêu cầu của chung của chương trình được xây dựng. Ví dụ như Đại học Quy Nhơn còn có tổ bộ môn pháp luật riêng để xây dựng và thống nhất nội dung bài giảng, có đánh giá chất lượng bài giảng về chuyên môn, còn các trường mà chỉ có 1 giảng viên pháp luật hay giảng dạy pháp luật kiêm nhiệm, lồng ghép thì việc đánh giá nội dung, chất lượng bài giảng là khó. Kể từ năm học 2013-2014 việc thực hiện

Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014 về pháp luật tham nhũng vào nội dung GDPL chính khóa thì mỗi trường cũng thiết kế bài giảng mỗi kiểu.

Nhìn chung, hầu hết các tập bài giảng đều nặng về phần lý thuyết, thiếu thực tiễn, không có sự phân biệt cho từng ngành đào tạo; giảng viên thì chỉ chuyên về một ngành luật trong khi các trường đào tạo đa ngành nghề đòi hỏi nhiều chuyên môn ngành khác (chẳng hạn ở các trường cao đẳng, nội dung pháp luật được lồng ghép trong pháp luật quản lý ngành nghề như Pháp luật - Tổ chức y tế của trường cao đẳng đào tạo y tế). Từ khi pháp luật, pháp luật đại cương là học phần được quy định bắt buộc, số giờ dạy của giảng viên phụ trách hay kiêm nhiệm cũng nhiều hơn vì vậy mà nghiên cứu khoa học bị ảnh hưởng. Theo nghiên cứu đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên giảng dạy pháp luật thì hầu như ở các trường, ngoài luận văn bảo vệ thạc sỹ của một số giảng viên trẻ không có đề tài nghiên cứu khoa học pháp luật cấp trường nào trong 5 năm qua.

Mặc khác GDPL cho SV thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục ngoại khóa. Hầu hết các nhà trường đều xây dựng kế hoạch phổ biến GDPL hàng năm học của đơn vị theo kế hoạch của đơn vị chủ quản, đặc biệt là của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Một số trường như Đại học Quy Nhơn, Cao đẳng sư phạm Bình Định xây dựng được kế hoạch phổ biến, GDPL ngoại khóa trên cơ sở thực hiện Kế hoạch phổ biến, GDPL ngoại khóa cho học sinh, SV trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Quyết định 366/QĐ-BGDĐT ngày 27/01/2014 Bộ Giáo dục và Đào tạo [*Bảng 8. Phụ lục*], Kế hoạch xây dựng tủ sách pháp luật [*Bảng 8. Phụ lục*], Kế hoạch tổ chức “Ngày pháp luật” [*Bảng 8. Phụ lục*] với nội dung phong phú, hấp dẫn. Tuy nhiên, trên thực tế các kế hoạch đó đã thực hiện như thế

nào, kết quả ra sao thì gần như không có kiểm tra, đánh giá xem thực hiện đến đâu, rút kinh nghiệm như thế nào và trách nhiệm thuộc về ai.

2.2.1.4. Hình thức và phương pháp GDPL

Các nhà trường đều quan tâm đến đổi mới phương pháp giảng dạy chính khóa và nâng cao chất lượng công tác phổ biến, GDPL ngoại khóa.

Hầu hết giảng viên giảng dạy pháp luật đã cố gắng tạo mọi điều kiện để thay đổi phương pháp dạy học mới và đã có những bước tiến trong công tác giảng dạy pháp luật, trong đó có: lập kế hoạch và chuẩn bị môi trường lớp học, giảng dạy và trách nhiệm chuyên môn; làm cho học sinh biết tự học, tự vận dụng, biết hợp tác và chia sẻ. Bên cạnh nhiều giảng viên đã đổi mới phương pháp giảng dạy mới tích cực hơn thì vẫn còn rất nhiều chưa làm được điều đó. Điều này cũng bị ảnh hưởng nhiều từ chuyên môn đào tạo không chuyên luật, thiếu thực tiễn nên không có sự lồng ghép thực tiễn làm sinh động bài giảng, vẫn là đọc chép thụ động.

Trong hoạt động ngoại khóa, đã tổ chức nhiều hình thức như: báo cáo trong sinh hoạt công dân SV các chủ đề an toàn giao thông, hôn nhân và gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tệ nạn xã hội; thực hiện sân khấu hóa thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ của các đoàn thể; tổ chức các hội thi có lồng ghép các nội dung pháp luật; xây dựng chuyên mục thông tin phổ biến, GDPL trên trang thông tin điện tử của trường, tuyên truyền “Ngày pháp luật”, qua đó tạo sự chuyển biến về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật và hành vi chấp hành pháp luật của SV góp phần ổn định môi trường giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Thực tiễn GDPL cho SV ĐH, CĐ nói chung và Bình Định nói riêng đặt trong bối cảnh chung của SV toàn quốc dưới góc nhìn đa chiều của các nhà khoa học, xã hội, quản lý, các kênh truyền thông. Ở góc độ nghiên cứu thực

tiền GDPL cho SV Bình Định, luận văn thực hiện thực hiện đánh giá qua 3 khảo sát.

Thứ nhất, qua kết quả thi học phần môn Pháp luật đại cương của 2 trường đại học và cao đẳng sư phạm thu được một số kết quả chung: tỉ lệ qua lần đầu của khối các trường đại học là cao hơn các trường cao đẳng nghề; tỉ lệ qua lần đầu là cao nhưng số đạt điểm cao là không nhiều; tỉ lệ qua lần đầu so với các học phần khác là thấp hơn.

Đây cũng là một kênh để đánh giá chất lượng nội dung, phương pháp, hình thức của GDPL trong sự tác động lên ý thức, tình cảm đối với pháp luật. Tuy nhiên, kết quả này cũng nói lên sự kém thu hút, hấp dẫn của môn học. Tất nhiên còn bao gồm cả yếu tố SV ngày càng lười học hơn và học chế tín chỉ cũng làm cho họ có tâm lý chủ quan cho lần thi thứ nhất mọi môn học.

Thứ hai, kết quả khảo sát từ 200 SV của 2 trường Đại học Quy Nhơn và Cao đẳng Nghề Quy Nhơn về thực trạng công tác GDPL tại các trường ĐH, CĐ Bình Định, thu được:

Một là các nội dung được đánh giá cao (tỉ lệ từ 56% đến 72%): chương trình chính khóa phù hợp.

Hai là các nội dung được đánh giá không cao (32%-45%): thời lượng chính khóa hợp lý, hoạt động ngoại khóa là cần thiết; hình thức đa dạng, phù hợp.

Ba là các nguyên nhân dẫn đến vi phạm quy định pháp luật (tỉ lệ từ cao đến thấp): thiếu hiểu biết pháp luật (85%), thiếu tu dưỡng đạo đức (65%), thiếu lý tưởng sống 52%), ảnh hưởng bạn bè xấu (45%), điều kiện kinh tế (31%), nhu cầu tự khẳng định (25%).

Thứ ba, kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy của một số giảng viên giảng dạy pháp luật đại cương từ năm học 2011-2012 đến năm học 2014-2015

của bộ phận đánh giá và kiểm định chất lượng, thu được ở các tiêu chí đánh giá ở mức “tốt”:

Một là các nội dung được đánh giá cao (tỉ lệ từ 50% đến 70%): đảm bảo kế hoạch, không cắt xén chương trình; tôn trọng, ứng xử đúng mực với sinh viên; sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học làm tăng hiệu quả dạy học; nội dung bài giảng được bố trí phù hợp với mục tiêu môn học; trình bày dễ hiểu và dễ theo dõi; sử dụng nhiều hình thức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập và luôn công bằng.

Hai là các nội dung được đánh giá không cao (tỉ lệ từ 30% đến 50%): giới thiệu đầy đủ các tài liệu tham khảo và tài liệu tham khảo bổ ích; phân bố thời gian hợp lý giữa lý thuyết và thực hành; giải đáp thỏa đáng các thắc mắc của SV trong giờ học; cập nhật các kiến thức khoa học liên quan; sử dụng các phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực.

Một cái nhìn tổng thể, dường như vẫn còn thiếu một ít “vị” cho kênh tri thức này.

2.2.2. Nguyên nhân của thực trạng giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng tỉnh Bình Định

2.2.2.1. Nguyên nhân của kết quả

Thực hiện đánh giá GDPL cho SV từ thực tiễn công tác này của tỉnh Bình Định có thể đưa ra một số kết luận về nguyên nhân của cả kết quả và cả hạn chế. Với những kết quả đạt được như đã phân tích ở phần thực trạng thì nguyên nhân có thể kể đến là:

Thứ nhất là “môi trường” mà SV Bình Định tham gia với tư cách là một thành phần cộng hưởng có nhiều lợi thế cho công tác GDPL. Môi trường lợi thế đó là:

Một là sự ổn định về chính trị trong thời gian qua và đặc biệt là 5 năm gần đây, Bình Định gần như không có biến động và cũng ít chịu tác động của

những “dư chấn” từ bên ngoài như hai đầu đất nước. Người dân chủ yếu là làm nông nghiệp, chuyên tâm lao động để đủ nuôi con em ăn học và răn dạy con em nên người hơn là quan tâm đến những biến động chính trị của đất nước, khu vực, thế giới cho nên họ có sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước và niềm tin vào pháp luật. SV có chung niềm tin đó cùng với gia đình, cộng đồng.

Hai là sự kém phát triển về kinh tế xã hội của Bình Định so với nhiều tỉnh thành khác đã có tác động nhẹ nhàng hơn lên đời sống vật chất và tinh thần của sinh viên. Ở mức sống bình quân thu nhập thấp so với nhiều nơi trên cả nước, thanh niên SV ít có những đua đòi, chạy theo sức mạnh của đồng tiền hơn và tập trung tất cả trí lực vào việc học tập đã hạn chế được các cơ hội cho tiêu cực, phạm pháp nảy sinh. SV chủ yếu tập trung ở trung tâm Thành phố duy nhất là thành phố Quy Nhơn nên sự quản lý của cơ quan chức năng quản lý nhà nước là dễ dàng, kịp thời xử lý tình huống thấu đáo khi có tiêu cực xảy ra.

Ba là Đảng, cơ quan quản lý của Nhà nước, các Bộ chủ quản và UBND tỉnh đã có sự quan tâm chỉ đạo về GDPL trong nhà trường nói chung và ĐH, CĐ Bình Định nói riêng rất quy mô có phối kết hợp từ khi xây dựng văn bản quy định, hoàn thiện hệ thống pháp luật đến tổ chức thực hiện tạo được lòng tin của SV và xã hội vào công tác này. Đặc biệt, trong nhiệm 2011-2016 vừa qua, lãnh đạo cao nhất của UBND tỉnh, trực tiếp chỉ đạo công tác PBGDPL là nhân sự chuyên môn luật, trình độ thạc sỹ và có luận văn về đề tài “Công tác tuyên truyền, GDPL ở nước ta - Thực trạng và giải pháp” nên có thể nói tư duy, nhận thức về GDPL là đảm bảo, có tính quyết định đến hiệu quả.

Đặc biệt là ở Bình Định có tới 3/tổng số 6 đơn vị (Đại học Quy Nhơn, Cao đẳng sư phạm Bình Định, Cao đẳng Y tế) thực hiện đào tạo, cung ứng lao động cho 2 khối ngành được coi là “nghề cao quý” trong các nghề là sư phạm và y học. Chính điều này cũng đã thu hút được tỉ lệ cao các thanh niên có ý

thức cá nhân tốt hơn một số đối tượng thanh niên khác trong xã hội vào các môi trường đào tạo này. Và khi đã thực sự tham gia với thành viên chính thức là SV thì các thanh niên SV này có sự chủ động trong rèn luyện tài, đức để phù hợp với nghề. Đây là một thuận lợi lớn trong GDPL tinh nhà. Bên cạnh đó Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã rất quan tâm trong những tích cực tổ chức các hội thảo toàn quốc về công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh SV hàng năm, giai đoạn để đánh giá thực trạng, đưa ra giải pháp góp phần tăng cường cho công tác giáo dục này trong mối quan hệ gắn gũi với GDPL hiện nay.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ, giảng viên trong các trường ĐH, CĐ đã từng bước được kiện toàn, tiến đến đảm bảo về số lượng và ngày càng được quan tâm bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, trình độ đáp ứng được yêu cầu GDPL.

Thứ ba, nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp cũng đã có những đổi mới kịp thời, phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu của SV bên cạnh hỗ trợ, tác động tích cực của internet.

Thứ tư, pháp luật về PBGDPL từng bước được kiện toàn và hoàn thiện, đánh dấu bằng một văn bản luật điều chỉnh tổng thể hiệu lực hơn (trong đó có GDPL cho SV) là Luật Phổ biến, GDPL năm 2012 .

Thứ năm, đã bắt đầu xã hội hóa công tác GDPL nói chung và GDPL cho SV nói riêng. Sự tham gia của các doanh nghiệp hướng nghiệp, tuyển dụng lao động xuất khẩu nước ngoài tại các trường cao đẳng nghề cũng đã có những tác động tương đối thiết thực đến trang bị tri thức pháp luật để SV vững vàng hơn bước vào thực tiễn lao động, sản xuất tại các tỉnh thành trong cả nước và hội nhập một số quốc gia sử dụng lao động như Hàn Quốc, Đài Loan.

2.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

GDPL cho SV Bình Định đã đạt được những thành tích nhất định. Tuy vậy bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế của công tác GDPL cho SV Bình

Định và những tồn tại trong đời sống SV như đã phân tích ở phần 2.1.2. Các nhóm nguyên nhân chủ yếu phải kể đến đó là:

Đầu tiên phải nói đến là nhận thức, ý thức và trách nhiệm của chủ thể GDPL cho SV về vị trí, vai trò, nội dung của công tác GDPL còn chưa đúng và chưa đầy đủ:

Một là một số cán bộ quản lý của các trường ĐH, CĐ còn quan niệm đơn giản về công tác này, chưa nhận thức được nhu cầu đổi mới và tăng cường công tác GDPL trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay và đổi mới căn bản toàn diện giáo dục cho nên GDPL vẫn chỉ là kế hoạch “văn bản”, báo cáo “văn bản” với những kết quả “ảo” để thực hiện chế độ báo cáo cho cơ quan chủ quản (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) và cơ quan quản lý (UBND tỉnh Bình Định, Sở Tư pháp Bình Định, Hội đồng PBGDPL tỉnh Bình Định).

Hai là đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật mặc dù đã đảm bảo về số lượng và dần đảm bảo về chất lượng nhưng vẫn chưa thật chuyên tâm vào nhiệm vụ được giao, vẫn còn giảng viên dạy pháp luật chưa được đào tạo đúng chuyên ngành, thiếu nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, không chịu khó đầu tư cho nội dung để hướng SV học tập chủ động, hứng thú.

Ba là phụ cấp của giảng viên giảng dạy pháp luật so với những giảng viên dạy các môn học khác còn thấp do vậy chưa thực sự khuyến khích, tạo điều kiện để họ đầu tư thời gian, công sức cho việc giảng dạy; chế độ chính sách, kinh phí cho công tác GDPL các trường ĐH, CĐ ít, không đủ mạnh để đội ngũ làm công tác GDPL tự nâng cao trình độ, tâm huyết hơn với công tác này.

Thứ hai, các trường ĐH, CĐ với sự đa dạng về loại hình, về ngành đào tạo, về nhận thức, về điều kiện trong khi các hoạt động giảng dạy chuyên môn

ngành nghiệp và các hoạt động khác thường đòi hỏi và yêu cầu cao hơn công tác GDPL, do đó các nhà trường phải dành ưu tiên (nguồn lực, thời gian...) cho việc giảng dạy về chuyên môn nghề nghiệp, thời lượng chính khóa cho môn pháp luật, pháp luật đại cương ít, thời gian dành cho GDPL chính khóa ít mà ngoại khóa lại không hiệu quả. Bên cạnh đó phương pháp GDPL còn chậm được đổi mới, thay đổi về phương pháp, vẫn còn “đọc-chép” thụ động, hoạt động ngoại khóa thì còn đơn điệu.

Thứ ba, hệ thống pháp luật vẫn còn những nội dung chưa hoàn thiện như:

Một là trên cơ sở Luật phổ biến, GDPL đã được ngày 20/6/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2013/NĐ - CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phổ biến, GDPL. Tuy nhiên Nghị định chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm và các ràng buộc pháp lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của nhà trường, của nhà giáo trong công tác GDPL.

Hai là trước khi có Luật Phổ biến, GDPL số 14/2012/QH13 ngày 14/6/2012 ra đời và Nghị định số 28/2013/NĐ - CP ngày 4/4/2013 hướng dẫn thi hành Luật này thì Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT - BGDDT - BTP ngày 16/11/2010 hướng dẫn việc phối hợp thực hiện công tác phổ biến, GDPL trong nhà trường. Tuy nhiên đến nay Thông tư vẫn chưa thay đổi cho phù hợp với Luật và Nghị định trên.

Ba là các quy định của pháp luật về GD đại học nói chung và GDPL trong các trường ĐH, CĐ nói riêng còn chưa đồng bộ. Ví dụ: Điều 31 Luật Phổ biến, GDPL quy định: “Căn cứ vào nội dung, hình thức GDPL ở từng cấp học và trình độ đào tạo, các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân có trách nhiệm tổ chức thực hiện GDPL, bố trí giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, *giảng viên dạy pháp luật* theo quy định của pháp luật”; Khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục Đại học quy định về Giảng viên:

“ *Giảng viên* trong cơ sở giáo dục đại học là người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; đạt trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại *điểm e khoản 1 Điều 77 của Luật giáo dục*” (cụ thể khoản 1 Điều 77 của Luật giáo dục đó là “*có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với nhà giáo giảng dạy cao đẳng, đại học; có bằng thạc sĩ trở lên đối với nhà giáo giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn luận văn thạc sĩ; có bằng tiến sĩ đối với nhà giáo giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn luận án tiến sĩ.*” Chính điều này đã dẫn đến một thời gian dài và cả hiện nay một số trường vẫn phân công giảng viên giảng dạy Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin phụ trách giảng dạy pháp luật và điều này rõ ràng ảnh hưởng đến chất lượng tri thức pháp luật mà SV được thụ hưởng.

Thứ tư, ý thức pháp luật hiện nay trong xã hội nói chung đang là vấn đề lớn cùng với tình hình vi phạm pháp luật có những diễn biến phức tạp đã tác động đến ý thức, tâm lý, tình cảm của sinh viên. Ở đây có sự góp phần rất lớn mặt tiêu cực của internet trong việc cung cấp thông tin đa chiều, nhiều nguồn mà SV không đủ trình độ và hiểu biết để chọn lọc tích cực. Theo đó là những ảnh hưởng đến sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục đạo đức, giáo dục chính trị giáo dục ý thức pháp luật cho sinh viên. Các cấp chính quyền, đoàn thể có lúc, có nơi chưa coi trọng đúng mức và chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình trong công tác GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ.

Thứ năm, có thể thấy Bình Định vẫn chưa phát huy được xã hội hóa công tác GDPL cho SV. SV Bình Định ít có cơ hội tiếp xúc với các kênh tuyên truyền, phổ biến giáo dục khác từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuyên trách pháp luật như Tòa án, Viện Kiểm sát, Sở Tư pháp, Văn phòng Luật sư để kích thích hứng thú.

Kết luận chương 2

Qua nghiên cứu các vấn đề thực tiễn GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ của tỉnh Bình Định có thể rút ra những kết luận sau:

Cơ sở pháp lý cho giáo dục đại học và công tác GDPL trong nhà trường nói chung, PBGDPL của tỉnh Bình Định nó riêng đang từng bước được hình thành, dần hoàn thiện tạo điều kiện cho việc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác GDPL cho SV.

Trong những năm qua, GDPL cho SV của tỉnh nhà đã có nhiều cố gắng và thu được một số kết quả khả quan. Hoạt động GDPL cho SV bước đầu đi vào nề nếp, nhận thức về pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của SV từng bước được nâng cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả mà công tác GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ Bình Định đạt được, thì hoạt động này bộc lộ nhiều hạn chế về nhận thức, trình độ, tâm huyết của chủ thể GDPL dẫn đến những thể hiện cụ thể qua chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức GDPL vẫn chưa đáp ứng mục tiêu, mục đích; ý thức pháp luật và sự tuân thủ pháp luật của SV dưới những tác động của môi trường xung quanh cùng với những cơ chế phối hợp, quy định trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan chức năng bằng pháp luật cũng phải hoàn thiện hơn để có thể xã hội hóa được phát huy.

Khắc phục những hạn chế của GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ Bình Định nhất định phải tập trung giải quyết các vấn đề đã nêu một cách hiệu quả nhất có thể trong điều kiện là có thực. Để làm tốt điều này cần xây dựng được quan điểm và giải pháp thích hợp.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN TỪ THỰC TIỄN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

3.1. Quan điểm nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho sinh viên từ thực tiễn các trường đại học, cao đẳng tỉnh Bình Định

3.1.1. Nâng cao hiệu quả GDPL cho SV phải gắn vai trò của chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo với từng mục tiêu cụ thể trong việc hiện thực hóa các kế hoạch

Với tất cả các hoạt động xã hội, kinh tế, chính trị, quản lý nhà nước thì vai trò của chủ thể lãnh đạo có ý nghĩa quyết định cho hiệu quả của hoạt động. GDPL trong các trường ĐH, CD phải đáp ứng yêu cầu hướng đến mục tiêu chung, mục tiêu riêng của giáo dục, giáo dục đại học, GDPL và mục tiêu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ cho việc mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên với các nước đang phát triển trong khu vực và quốc tế. Với yêu cầu quan trọng đó cần phải có những bước đi đúng, kịp thời, hiệu quả từ nhận thức đến giải pháp cụ thể chứ không chỉ bằng những quy định, kế hoạch, đề án, báo cáo hoàn hảo bằng văn bản. Và một khi đã xây dựng quy định, kế hoạch, đề án thì nhất định phải thực hiện hiệu quả, bắt đầu từ việc quy định trách nhiệm đến thực hiện trách nhiệm của các chủ thể đến việc đầu tư, thực hiện chế độ, tổng kết, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật.

3.1.2. Nâng cao hiệu quả GDPL cho SV phải kết hợp với giáo dục đạo đức và giáo dục nghề nghiệp trong các trường đại học và cao đẳng

Pháp luật tạo ra quy định điều chỉnh chương trình giáo dục - đào tạo, tiêu chuẩn ngành nghề bao hàm cả những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp; GDPL

lại có mối quan hệ với giáo dục đạo đức như đã phân tích ở phần khái niệm. Luật phổ biến, GDPL đã khẳng định nội dung GDPL trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân được xây dựng phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo, phù hợp với mục tiêu giáo dục, ngành nghề đào tạo, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phổ thông, cơ bản, thiết thực và có hệ thống (Điều 23). Do đó, hoạt động GDPL cho SV phải trang bị cho đối tượng những kiến thức cơ bản và chuyên ngành về tri thức pháp luật, về phương pháp tư duy và kỹ năng ứng xử, giải quyết và xử lý các tình huống pháp luật trong đời sống và nghề nghiệp sau này một cách đúng đắn và sáng tạo. Trong mối quan hệ này, GDPL nhất thiết giữ vai trò gắn kết cho việc hình thành ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của sinh viên. Như vậy GDPL cho SV không chỉ nâng cao chất lượng trong GDPL mà còn nâng cao chất lượng giáo dục trong các lĩnh vực giáo dục khác của các trường đại học, cao đẳng.

3.1.3. Nâng cao hiệu quả GDPL cho SV phải hướng tới nâng cao ý thức pháp luật và kỹ năng thực hiện pháp luật của SV

GDPL không chỉ đơn thuần là chuyển tải quy định của pháp luật mà phải làm cho SV hiểu rõ bản chất của quy định pháp luật để thấy hết ý nghĩa của quy phạm pháp luật để bản thân đối tượng tự ý thức, chủ động thực hiện pháp luật, có tình cảm pháp luật, tự nguyện phát triển ý thức thành kỹ năng thực hành trong thực tiễn cuộc sống bằng cơ sở lí luận căn bản, đầy đủ, hệ thống áp dụng vào những tình huống thực tiễn sinh động, thiết thực với từng đối tượng GDPL.

3.1.4. Nâng cao hiệu quả GDPL cho SV phải đi đôi với hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành

Hoàn thiện pháp luật là một nội dung lớn của xây dựng nhà nước pháp quyền. Hệ thống pháp luật càng hoàn thiện thì việc thực hiện pháp luật càng thuận lợi, không vướng mắc, ít phát sinh tiêu cực, hạn chế. GDPL cho SV là

khâu đầu tiên của thi hành pháp luật được thực hiện bởi các chủ thể được Đảng, Nhà nước trao trách nhiệm. Hệ thống pháp luật hoàn thiện không chỉ tạo thuận lợi cho nhận thức, cho thực hành của chủ thể, đối tượng mà còn tạo nên những cơ chế hỗ trợ, tác động thuận lợi cho chủ thể chuyên tâm, trách nhiệm, đầu tư cho công tác hiệu quả; SV được thụ hưởng những mặt tích cực của công tác sẽ dẫn đến niềm tin, tình cảm đối với pháp luật một cách chủ động.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho sinh viên từ thực tiễn các trường đại học, cao đẳng tỉnh Bình Định

3.2.1. Nhóm giải pháp chung

3.2.1.1. Tiếp tục đổi mới đồng bộ về chương trình, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL, đảm bảo tính liên tục và cân đối với ngành nghề đào tạo

Chương trình, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL là những thành tố cơ bản của hoạt động giáo dục cho SV các trường ĐH, CĐ. Giữa các thành tố này có mối liên hệ hữu cơ, tác động qua lại và bổ sung cho nhau. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng GDPL cho SV thì cần quán triệt quan điểm đổi mới đồng bộ cả chương trình, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL cho SV. Chương trình, nội dung GDPL phải đảm bảo tính thống nhất, liên tục, khoa học phù hợp với đòi hỏi của ngành đào tạo và thực tiễn xã hội; phương pháp cũng phải khoa học, hiện đại, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, khắc phục lối truyền thụ một chiều và phối kết hợp nhiều hình thức GDPL khác nhau, chú trọng tăng cường GDPL thông qua hoạt động GDPL ngoại khóa đảm bảo chương trình GDPL chính khóa phải đảm bảo phục vụ mục tiêu giáo dục đại học; thể hiện được tính liên tục, tính hệ thống, tính kế thừa, khoa học, cân đối hài hòa, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn giữa GDPL với giáo dục chuyên môn nghề nghiệp. Cụ thể:

Thứ nhất, các bộ chủ quản, các địa phương, các trường ĐH, CĐ tổ chức

triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ về phổ biến, GDPL thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà trường theo Điều 23, 24, 28, 30 và Điều 31 Luật phổ biến, GDPL và các chương trình, kế hoạch, đề án khác về phổ biến, GDPL thuộc phạm vi trách nhiệm của ngành, địa phương.

Thứ hai, cán bộ giảng dạy pháp luật - chủ thể trực tiếp, trách nhiệm chính của GDPL cho SV phải hoàn thiện tài liệu giảng dạy các môn học chuyên ngành luật (với các trường cao đẳng nghề) hoặc môn học pháp luật đại cương (với các trường đại học) phù hợp với người học, cấp học và trình độ đào tạo riêng cho 2 hệ cao đẳng và đại học.

Ở nội dung này, luận văn có đề xuất cho công tác hoàn thiện pháp luật đó là:

Một là Bộ Giáo dục và Đào tạo Xây dựng Thông tư quy định chương trình, giáo trình môn học pháp luật dùng trong đào tạo trình độ đại học không chuyên luật như Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2014 để có sự thống nhất chung, đảm bảo quyền lợi người học trong lĩnh vực tri thức pháp luật (học những gì SV, ngành nghề cần chứ không chỉ học những gì giảng viên có).

Hai là từ cơ sở quy định của Thông tư hướng dẫn đó, thống nhất biên soạn một giáo trình chung cho đối tượng GDPL là SV các trường không chuyên luật. Giáo trình này ưu tiên pháp luật thực định vì lượng kiến thức pháp luật này thực sự hữu ích, thiết thực cho SV các trường không chuyên luật hơn là SV chuyên luật cần có sự nghiên cứu chuyên sâu hơn về phần lý luận chung.

Ba là các bộ chủ quản, nhất là Bộ Giáo dục và Đào tạo cần quy định giảng dạy môn pháp luật đại cương trong chương trình chính khóa với số lượng là 45 tiết trong tất cả các chương trình đào tạo ĐH, CĐ các ngành để tăng cường phần pháp luật thực định, đạo đức nghề, quản lý ngành nghề vì

ngoài các lý do đã phân tích ở phần đánh giá thực trạng còn vì từ năm học 2013-2014, việc đưa 3 đến 5 tiết về pháp luật tham nhũng vào chương trình pháp luật đại cương mà yêu cầu vẫn giữ nguyên thời lượng chương trình đã làm ảnh hưởng đến nội dung, chương trình trước đó. Thêm vào đó vấn đề quyền con người đang là yêu cầu đặt ra đối với toàn dân và toàn ngành giáo dục, trong tiến trình hội nhập ASEAN và hội nhập quốc tế, SV chúng ta cần có sự trang bị thêm về pháp luật quốc tế để sẵn sàng trong vai trò “công dân quốc tế”.

3.2.1.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật trong các trường đại học, cao đẳng.

Giảng viên giảng dạy pháp luật có vai trò quyết định trong việc dạy và học pháp luật trong nhà trường, thứ nhất vì vai trò và đặc điểm riêng của GDPL cho SV như đã phân tích ở Chương 1 và thứ hai, vì mục đích, mục tiêu của GDPL và cả giáo dục đại học Việt Nam. Do đó, để thực hiện GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ hiệu quả cần nâng cao chất lượng đội ngũ này cả về số lượng và chất lượng.

Tính đến nay, nhìn chung các trường ĐH, CĐ, số lượng giảng viên giảng dạy pháp luật gần như đã đảm bảo cho thực hiện giảng dạy trên đầu SV. Trong số đó bao gồm cả đúng chuyên ngành pháp luật và cả các chuyên ngành khác kiêm nhiệm như văn, sử, triết, các môn học chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chính việc kịp thời đáp ứng cho yêu cầu giáo dục đại học giai đoạn mới là phải trình độ thạc sỹ trở lên cùng với việc thực hiện tinh giản biên chế, tình hình tuyển sinh không ổn định mà một số cơ sở giáo dục ĐH, CĐ đã không thực hiện tuyển mới và đã phân công giảng dạy kiêm nhiệm. Với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GDPL cho SV nhất thiết phải bồi dưỡng, chuẩn hóa cho các chủ thể giáo dục này. Tuy nhiên vẫn ưu tiên phương án tuyển mới cán bộ chuyên ngành đào tạo pháp luật giảng dạy

pháp luật. Với các nhà trường đã chuẩn được số lượng, đảm bảo được chất lượng cần có chế độ khuyến khích, tạo điều kiện để các giảng viên tích cực học tập nâng cao trình độ thạc sỹ, tiến sỹ và các chế độ khác.

Ở nội dung này, luận văn kiến nghị về hoàn thiện pháp luật, đó là:

Một là sửa đổi *Quyết định 244/2005/QĐ-TTg ngày 6/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập*. Đề xuất thay đổi mức phụ cấp cho giảng viên giảng dạy pháp luật lên ngang bằng với giảng viên giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là 45% vì tính đặc thù của môn học này cũng phải thường xuyên nghiên cứu và bổ sung, cập nhật các văn bản pháp luật mới, vận dụng thực tiễn đa lĩnh vực, phong phú, phức tạp và GDPL là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Có như vậy mới khuyến khích được giảng viên luật tự bồi dưỡng mình tốt hơn cho giảng dạy. Hiện nay định mức phụ cấp giảng dạy đối với giảng viên đại học là 25%, các trường, khoa sư phạm là 40%, đang là thiếu tính động viên cho giảng viên các trường không đào tạo sư phạm.

Hai là điểm *e khoản 1 Điều 77 của Luật giáo dục* quy định giảng viên phải “*có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với nhà giáo giảng dạy cao đẳng, đại học; có bằng thạc sỹ trở lên đối với nhà giáo giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn luận văn thạc sỹ; có bằng tiến sỹ đối với nhà giáo giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn luận án tiến sỹ.*” Vì có thực tế giảng viên các chuyên ngành khác kiêm giảng dạy pháp luật như trên nên đề nghị quy định sửa đổi rõ hơn là “*Có bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành được phân công giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với nhà giáo giảng dạy cao đẳng, đại học*” để tránh việc “lách luật” của một số cơ sở đào tạo ĐH, CĐ trong thời gian qua trong giảng dạy pháp luật làm ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác GDPL và thiệt thòi cho người học.

3.2.1.3. Hoàn thiện các quy định pháp luật về GDPL

Đây là vấn đề cần được quan tâm nhiều hơn nữa nhằm nâng cao năng lực quản lý xã hội nói chung và GDPL cho SV nói riêng.

Thực tiễn đã cho thấy việc ban hành các văn bản pháp luật về GDPL trong nhà trường trên cơ sở tổng kết thực tiễn có vai trò thống nhất nhận thức và hành động rất lớn. Quy định về GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ cần quy định về chương trình, giáo trình, giảng viên, quy định về phối hợp trong và ngoài nhà trường, quy định về các điều kiện đảm bảo cho công tác GDPL. Để thực hiện tốt giải pháp này cần tập trung giải quyết tốt các vấn đề sau: các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản, các trường ĐH, CĐ với chức năng thực hiện tiên hành rà soát các văn bản quy định về GDPL trong nhà trường nói chung và các trường ĐH, CĐ nói riêng, kiến nghị bãi bỏ văn bản lỗi thời, hết hiệu lực, đã có văn bản thay thế; sửa đổi, bổ sung mới quy định, văn bản cho phù hợp với hệ thống pháp luật và thực tiễn pháp luật.

Trong giới hạn của nghiên cứu nên ở mỗi nhóm giải pháp luận văn đã có những đề xuất cụ thể liên quan đến từng nội dung của GDPL và các các vấn đề liên quan đến công tác GDPL cho SV với mục đích góp phần nâng cao hiệu quả chung trong thực tiễn công tác của các trường ĐH, CĐ ở phần 3.2.1.1, 3.2.1.2.

3.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng tỉnh Bình Định

Trên cơ sở thực hiện các nhóm giải pháp chung cho các trường ĐH, CĐ, luận văn xây dựng nhóm các giải pháp riêng phù hợp với điều kiện, thực tiễn của tỉnh Bình Định.

3.2.2.1. Đổi mới tư duy, nhận thức về GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Định

Với cơ sở giáo dục ĐH, CĐ, việc nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy GDPL là giải pháp quan trọng hàng đầu bởi lẽ một trong những vấn đề cơ bản

trong hoạt động giáo dục nói chung là cần nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về toàn bộ quá trình giáo dục. Định hướng nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy về giáo dục và GDPL nhằm thay đổi cách nhận thức và tiếp cận của chủ thể GDPL và đối tượng GDPL trong trường ĐH, CĐ, hướng đến sự thay đổi về mục tiêu, nội dung, chương trình, cách thức, phương pháp giáo dục cũng như kiểm tra, đánh giá giúp cho SV thấy được bản chất, vai trò của pháp luật đối với mỗi cá nhân SV trong quá trình học tập ở nhà trường, trong đời sống hàng ngày và trong nghề nghiệp tương lai.

Để góp phần thực hiện các định hướng trên, với Bình Định, các cấp ủy Đảng, lãnh đạo địa phương, lãnh đạo các bộ, ban ngành liên quan đã làm rất tốt công tác chỉ đạo hoạt động đến từng nhà trường. Tuy nhiên khi triển khai đến từng đơn vị cơ sở công tác đã không thực sự hiệu quả. Yêu cầu của giải pháp không chỉ dừng lại ở lý luận mà được cụ thể hóa trong từng hành động. Đó là:

Thứ nhất, không chỉ coi trọng giảng dạy GDPL chính khóa mà có sự quan tâm, đầu tư cho ngoại khóa nhiều hơn. Hiện thực hóa các kế hoạch thực hiện Chương trình phổ biến, GDPL ngoại khóa cho học sinh, SV trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp giai đoạn 2013 - 2016. Tiếp tục xây dựng và thực hiện chương trình này trong giai đoạn tới trên cơ sở tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thứ hai, thay đổi tư duy đề cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp mà coi nhẹ đạo đức, kiến thức pháp luật. Thay vì khối lượng kiến thức khổng lồ SV phải tiếp nhận thì cần cung cấp cho họ những kiến thức pháp luật cơ bản, thiết thực, phù hợp với ngành đào tạo, nhu cầu phát triển của xã hội và hướng dẫn phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tư duy học tập suốt đời. Bên cạnh GDPL không xem nhẹ công tác giáo dục đạo đức, lối sống, thực hiện lồng ghép vào các nội dung giáo dục pháp luật, đạo đức nghề, đặc biệt đối với 3 trường đào tạo sư phạm và y tế.

Thứ ba, xác định rõ đây là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, xã hội, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành nhưng thường xuyên và trực tiếp là nhiệm vụ của các trường ĐH, CĐ Bình Định. Thậm chí nên xây dựng quy định mở về vị trí lãnh đạo cho mỗi nhà trường một nhân sự có chuyên môn luật. Nhân sự này vừa là lãnh đạo, vừa là người thực hiện, hơn ai hết sẽ thiết thực về chuyên môn, tâm huyết về ngành nghề liên quan đến pháp luật hơn là các nhân sự khác. Điều này không chỉ hiệu quả về công tác GDPL mà còn hiệu quả trong các vấn đề pháp lý của các nhà trường, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế như hiện nay. Được như vậy mục tiêu giáo dục đại học, GDPL cho SV tất đạt và mục đích nhất định thắng lợi. Và thực tế, địa phương hay một số trường ĐH, CĐ có nhân sự lãnh đạo này, những công tác góp phần quan trọng xây dựng Nhà nước pháp quyền như thanh tra, pháp chế, đặc biệt GDPL không chỉ là hình thức mà có thành tích rất đáng khích lệ.

3.2.2.2. Đổi mới nội dung và hình thức GDPL ngoại khóa

Với những hạn chế về thời lượng chương trình giáo dục và khối lượng tri thức pháp luật phải chuyển tải cho sinh viên, trong khi vẫn chưa có văn bản pháp luật quy định về bổ sung thời lượng cho môn học Pháp luật đại cương, Bình Định cần thực hiện tốt hơn chương trình GDPL ngoại khóa. Cụ thể:

Thứ nhất, với 3/6 trường ĐH, CĐ Bình Định đã xây dựng được nội dung GDPL ngoại khóa nên tiếp tục thực hiện và thực hiện đổi mới hình thức, cách thức tổ chức.

Thứ hai, với các trường chưa thực hiện việc xây dựng kế hoạch trên cần tiến hành xây dựng kế hoạch cho giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở kinh nghiệm của các trường bạn. Nội dung xây dựng tập trung đa dạng hóa các hình thức như: tổ chức các báo cáo chuyên đề, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật, lồng ghép nội dung pháp luật vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tổ chức các hoạt động SV tình nguyện tham gia các phong trào bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, tổ chức tuyên

truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành các tài liệu, tờ rơi, tập trung xây dựng chuyên trang phổ biến, giáo dục pháp luật trên website của trường. Chú trọng sử dụng các phương tiện thông tin hiện đại để tổ chức các hoạt động GDPL ngoại khóa cho SV một cách rộng rãi và kịp thời; tổ chức các hoạt động thực tiễn phù hợp gắn với việc học tập của các ngành học và từng năm học. Chú trọng tổ chức cho SV tham gia các hoạt động mang tính thực hành chính trị, xã hội, các hoạt động nghiên cứu khoa học về các vấn đề pháp luật trong thực tiễn gắn với hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam và các doanh nghiệp, tổ chức xã hội khác.

3.2.2.3. Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác GDPL cho SV cả về số lượng và chất lượng.

Với Bình Định, nâng cao chất lượng đội ngũ GDPL (không những về chuyên môn mà cả về đạo đức, phẩm chất để làm hình ảnh phản chiếu cho SV cảm tình, yêu thích làm theo) phải đồng thời với việc đảm bảo chế độ tài chính.

Hiện nay, đội ngũ này vẫn còn thiếu về số lượng, còn chưa chuẩn hóa về trình độ đào tạo. Trong 2 năm tới, các Trường Cao đẳng Nghề Quy Nhơn, Đại học Quy Nhơn cần thực hiện bổ sung giảng viên đúng chuyên ngành thông qua tuyển dụng mới; tổ chức chặt chẽ việc bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên GDPL kiêm nhiệm. Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay, việc tuyển dụng mới mà phải cân nhắc tới các yếu tố phát triển của nhà trường trong những năm tiếp theo. Việc Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học ra đời đã khống chế số lượng SV đầu vào và ảnh hưởng đến số SV trên mỗi giáo viên và tính toán thừa giờ sau khi quy chuẩn giờ dạy của mỗi nhà trường.

Bên cạnh đó, các nhà trường chủ động xây dựng chính sách động viên, khuyến khích, tạo điều kiện về vật chất, tinh thần đối với đội ngũ này. Để thực hiện chế độ ưu đãi, hỗ trợ tài chính, ĐH, CĐ Bình Định nên “lách luật”

khi áp dụng Quyết định 244/2005/QĐ-TTg ngày 6/10/2005 của Thủ tướng Chính bằng cách: ở các trường có lớp đào tạo sư phạm (Đại học Quy Nhơn, Cao đẳng Bình Định), nhà trường nên phân giờ dạy cho các giảng viên GDPL được đứng lớp 1 trong các lớp này để được hưởng phụ cấp 40% thay vì 25% như quy định. Với Đại học Quy Nhơn, với thừa giờ trung bình trên 1.000 giờ chuẩn/mỗi giảng viên và đề án mở ngành đào tạo pháp luật nhất thiết phải thực hiện tuyển dụng mới giảng viên được đào tạo chuyên môn pháp luật đa ngành.

3.2.2.4. Xã hội hóa hoạt động GDPL cho sinh viên

Xã hội hóa chưa thể hiện rõ nét trong công tác GDPL cho SV Bình Định. Mục tiêu của giải pháp nhằm huy động các lực lượng có tiềm năng tham gia vào quá trình đào tạo để tăng cường GDPL; gắn nhà trường với gia đình và xã hội, gắn lý thuyết với thực tiễn. Xây dựng môi trường giáo dục gắn kết với môi trường pháp luật trong cuộc sống và sinh hoạt của SV là yếu tố đảm bảo cho hiệu quả hoạt động GDPL. Huy động giảng viên giảng dạy các môn học khác tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục hướng vào mục tiêu GDPL.

GDPL cho SV là công việc chủ yếu của các trường ĐH, CĐ, đặc biệt là của các giảng viên, đồng thời là trách nhiệm của ngành giáo dục và các ngành có liên quan. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các ngành, các cấp phải tổ chức hỗ trợ, ủng hộ và tạo điều kiện cho công tác GDPL cho SV.

Với Bình Định, bản thân các trường ĐH, CĐ phải năng động hơn trong việc mời gọi, đề nghị các cơ quan tư pháp (tòa án, viện kiểm sát), các cơ quan bảo vệ pháp luật (công an), các văn phòng luật sư, các doanh nghiệp (có thực hành, thực tập) phối hợp với các trường ĐH, CĐ trong việc bồi dưỡng kiến thức và thực tiễn pháp lý cho đội ngũ giảng viên; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề pháp luật cho sinh viên, hoặc tham gia trực tiếp vào các tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm học. Về phía địa phương, UBND Bình Định phát huy tối đa vai trò của Hội đồng phối hợp PBGDPL vốn là nơi tập trung

sức lực và trí tuệ tập thể trong công tác này vào cuộc với GDPL cho SV.

3.2.2.5. Thường xuyên tổng kết, đánh giá, phát huy vai trò của công tác thi đua - khen thưởng trong hoạt động GDPL cho sinh viên

Tất cả mọi hoạt động muốn hiệu quả đều phải có tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm để tiếp tục xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động tiếp theo và tác động kích thích hoạt động. Vì vậy GDPL cho SV Bình Định nên chú ý đến công tác đánh giá, khen thưởng. Cụ thể:

Thứ nhất, UBND tỉnh thực hiện duy trì việc xây dựng các kế hoạch PBGDPL hàng năm có chế tài nhằm ràng buộc trách nhiệm pháp lý cho đơn vị quản lý, người làm GDPL; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo kế hoạch và có đánh giá kết quả thực hiện.

Thứ hai, Ban Thi đua - Khen thưởng của tỉnh đề nghị Khối thi đua các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp Tỉnh Bình Định xây dựng thang chấm điểm thi đua của Khối trong đó lấy hiệu quả, kết quả công tác GDPL cho SV là một nội dung quan trọng để đánh giá thi đua của mỗi đơn vị thành viên, trong đó có sự tham gia chủ đạo của 6 đơn vị ĐH, CĐ thành viên/8 đơn vị toàn Khối (2 đơn vị còn lại là Trường trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Trung tâm giáo dục thường xuyên của tỉnh).

3.2.2.6. Tăng cường tài liệu, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí cho hoạt động GDPL cho sinh viên

Theo báo cáo thực hiện Đề án 1928 giai đoạn 2011-2013 và 2013-2016 thì trung bình mỗi năm các nhà trường ĐH, CĐ Bình Định xây dựng quỹ hoạt động cho “nâng cao chất lượng công tác phổ biến, GDPL trong nhà trường” chỉ từ 10 triệu đồng (các trường cao đẳng với quy mô vài ngàn sinh viên) đến 50 triệu đồng (Trường Đại học Quy Nhơn với quy mô trên 16 ngàn sinh viên chính quy và gần 1.000 cán bộ, giảng viên) cho tất cả các hoạt động bồi dưỡng, tổ chức hoạt động, mời báo cáo viên,... phục vụ cho tất cả các đối

tượng chứ không chỉ đối tượng SV. Đây là những con số rất khó cho hoạt động GDPL hiệu quả.

Mặc khác, GDPL cho SV Bình Định bên cạnh việc đổi mới nội dung, chương trình, thường xuyên cập nhật trang tin phổ biến, giáo dục pháp luật trên Website nhà trường, hoàn thiện giáo trình cần tăng cường tài liệu tham khảo thông qua Thư viện, các trung tâm thông tin - tư liệu, các tủ sách pháp luật. 5/6 đơn vị ĐH, CĐ Bình Định vẫn chưa xây dựng Tủ sách pháp luật riêng để tạo sự thuận lợi và tập trung tìm kiếm, nghiên cứu của SV hơn. Tài liệu tham khảo, văn bản pháp luật vẫn chung trong hệ thống tài liệu khổng lồ của các thư viện và số lượng rất hạn chế, thiếu cập nhật văn bản pháp luật mới. Vì vậy đề nghị UBND tỉnh Bình Định, các nhà trường:

Một là vận dụng thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư nội dung “cần bố trí một khoản ngân sách cần thiết cho công tác phổ biến, GDPL” cân đối kinh phí để tăng cường đầu tư cho công tác này.

Hai là thực hiện nghiêm Kế hoạch xây dựng Tủ sách pháp luật theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/01/2010, về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật. Chú trọng đầu tư các tài liệu hỏi đáp về pháp luật, tài liệu bình luận khoa học pháp luật, hướng dẫn áp dụng pháp luật, các tập hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh từng ngành nghề, lĩnh vực đào tạo tạo thuận lợi cho việc tìm hiểu tập trung.

Ba là tạo điều kiện thuận lợi về hội trường, phương tiện nghe nhìn hiện đại trong các buổi học tập ngoại khóa, báo cáo chuyên đề, mời báo cáo viên.

Bốn là khuyến khích các tổ chức xã hội, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư không điều kiện và có điều kiện vào các hoạt động GDPL cho SV trong khuôn khổ các nhà trường thực hiện sự quản lý.

Kết luận chương 3

Thực trạng GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ nước ta nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng hiện nay thể hiện trên cả hai mặt thành tựu và hạn chế như đã phân tích. Việc tăng cường GDPL cho SV quan trọng và cần thiết. GDPL cho SV các trường đại học không chuyên luật phải được tiến hành trên cơ sở quan điểm của Đảng, pháp luật của nhà nước và các nguyên lý giáo dục nhằm đảm bảo cho hoạt động này được thường xuyên, liên tục theo tư duy đổi mới, quy luật phát triển và đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của xã hội.

Theo đó luận văn đưa ra một số quan điểm nâng cao hiệu quả GDPL cho SV để làm cơ sở thực hiện nghiên cứu, đề xuất 2 nhóm giải pháp chung và riêng làm cho GDPL đối với SV các trường ĐH, CĐ không chuyên luật nói chung và SV ĐH, CĐ Bình Định nói riêng.

Các quan điểm nâng cao hiệu quả GDPL cho SV đó là phải gắn vai trò của chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo với từng mục tiêu cụ thể trong việc hiện thực hóa các kế hoạch; kết hợp với giáo dục đạo đức và giáo dục nghề nghiệp trong các trường đại học và cao đẳng và hướng tới nâng cao ý thức pháp luật và kỹ năng thực hiện pháp luật của sinh viên.

Với nhóm giải pháp chung, đó là: tiếp tục đổi mới đồng bộ về chương trình, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL, đảm bảo tính liên tục và cân đối với ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật trong các trường đại học, cao đẳng, hoàn thiện các quy định pháp luật về GDPL.

Với nhóm giải pháp riêng, cần phải đổi mới tư duy, nhận thức về GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Định vào việc đổi mới nội dung và hình thức GDPL ngoại khóa, xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác GDPL cả về số lượng và chất lượng, xã hội hóa hoạt động GDPL cho SV bên cạnh việc thường xuyên tổng kết, đánh giá, phát huy vai trò của công tác

thi đua - khen thưởng, tăng cường tài liệu, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí cho hoạt động GDPL cho SV.

KẾT LUẬN

Hiệp pháp Việt Nam ghi nhận Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, vì vậy “sống và làm việc theo pháp luật” là đòi hỏi khách quan. GDPL đóng vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa chủ trương, chính sách, pháp luật.

GDPL là loại hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ đích của chủ thể giáo dục thông qua các hình thức, phương pháp khác nhau, tác động đến đối tượng giáo dục một cách có hệ thống nhằm hình thành ở họ tri thức, giá trị pháp luật, sự tôn trọng pháp luật, tình cảm và hành vi phù hợp với pháp luật hiện hành để từ đó xây dựng lối sống và văn hoá pháp luật.

Là một bộ phận của GDPL, GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ là hoạt động có định hướng, có tổ chức có chủ đích của các chủ thể GDPL trong các trường ĐH, CĐ tới SV thông qua các hoạt động giáo dục chính khóa và ngoại khóa bằng các phương pháp giáo dục khác nhau nhằm trang bị tri thức pháp luật cơ bản, định hướng, phát triển nhân cách và tư cách công dân, nâng cao nhận thức, góp phần điều chỉnh hành vi, hình thành thói quen tự giác xử sự đúng pháp luật, có ý thức tuân thủ pháp luật, có tri thức pháp luật về chuyên môn nghiệp vụ, ngành nghề mình được đào tạo.

Cho dù dưới góc độ lí luận hay thực tiễn pháp luật thì GDPL cho sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên Bình Định nói riêng đều cần có sự thống nhất nhận thức, quan điểm, chủ trương, giải pháp để tổ chức thực hiện nhất quán, hiệu quả.

Kế thừa những thành quả tốt đẹp mà các nghiên cứu về GDPL cho sinh viên đã làm được trước đó, đi sâu vào khảo sát, đánh giá thực tiễn công tác

này ở trên cả 2 mặt đã làm được và còn hạn chế tại các trường ĐH, CĐ tỉnh Bình Định, luận văn đã rút ra được những nguyên nhân cơ bản dẫn đến thực trạng chung, riêng và nhận thấy cần thiết phải xây dựng quan điểm chỉ đạo.

Về thành tựu: công tác GDPL cho SV các trường đại học không chuyên luật đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng và Nhà nước; các nhà trường đã từng bước đưa các môn pháp luật vào chương trình giảng dạy chính khóa và tăng cường các hoạt động GDPL ngoại khóa; ý thức pháp luật và thực hiện pháp luật biểu hiện tích cực.

Về hạn chế: nội dung GDPL trong chương trình chính khóa còn dàn trải, nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn và chưa phù hợp với ngành đào tạo. Việc đưa môn pháp luật đại cương vào giảng dạy ở tất cả các ngành đào tạo ở các trường đại học không chuyên luật chưa được triển khai đồng bộ, thống nhất. Chương trình, giáo trình môn pháp luật đại cương chậm đổi mới, chưa đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn. Hình thức, phương pháp GDPL chưa đa dạng, chưa phù hợp, chưa kết hợp hài hòa giữa trang bị kiến thức pháp luật với việc hình thành kỹ năng, hành vi và thói quen pháp luật cũng như kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi của SV. Chương trình GDPL ngoại khóa đơn điệu thiếu hấp dẫn, chưa có trọng tâm, trọng điểm.

Trong giai đoạn này, nâng cao hiệu quả GDPL cho SV phải gắn vai trò của chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo với từng mục tiêu cụ thể trong việc hiện thực hóa các kế hoạch; kết hợp với giáo dục đạo đức và giáo dục nghề nghiệp trong các trường đại học và cao đẳng và hướng tới nâng cao ý thức pháp luật và kỹ năng thực hiện pháp luật của sinh viên.

Bằng việc cố gắng xây dựng 4 quan điểm có tính chỉ đạo trên cơ sở lý luận và quy định của pháp luật đã có và hoạt động thực tiễn đã rất tốt, luận văn mạnh dạn đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

Trước hết, cho nhóm giải pháp chung: tiếp tục đổi mới đồng bộ về

chương trình, nội dung, phương pháp và hình thức GDPL, đảm bảo tính liên tục và cân đối với ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật trong các trường đại học, cao đẳng, hoàn thiện các quy định pháp luật về GDPL.

Cùng với những giải pháp chung đó, với những tồn tại và hạn chế của mình, GDPL cho SV Bình Định cần có các giải pháp riêng cho mình. Đó là: đổi mới tư duy, nhận thức về GDPL cho SV các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Định vào việc đổi mới nội dung và hình thức GDPL ngoại khóa, xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác GDPL cả về số lượng và chất lượng, xã hội hóa hoạt động GDPL cho SV bên cạnh việc thường xuyên tổng kết, đánh giá, phát huy vai trò của công tác thi đua - khen thưởng, tăng cường tài liệu, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí cho hoạt động GDPL cho SV.

Tất nhiên, trong quá trình thực hiện, GDPL cho SV Bình Định nói riêng GDPL nói chung cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hữu quan (giáo dục, tư pháp, bảo vệ pháp luật), nhà trường, gia đình và xã hội.

C.L. Montesquieu (1689 - 1775) đã từng có câu nói rất nổi tiếng “người tốt về chính trị, có phẩm hạnh chính trị là người yêu pháp luật nước mình và hành động với tình yêu đó”. Trên tất cả, GDPL cho SV phải giáo dục được cho SV Bình Định ý thức pháp luật, tuân thủ pháp luật, đề kháng tốt với tiêu cực, vững vàng tâm lý, tự thể chuẩn bị hành nghề tương lai và chủ động xây dựng môi trường sống tự nhiên, phi tự nhiên trong sạch, lành mạnh. Làm được như vậy mục đích to lớn nhất của GDPL là xây dựng lối sống và văn hóa pháp luật đã đạt.

Cuối cùng, GDPL và GDPL cho SV là đề tài nghiên cứu khoa học pháp luật không có hồi kết. Luận văn chỉ là một đóng góp rất nhỏ, tập trung tiếp cận vào chủ thể giảng dạy pháp luật và công tác quản lý, tổ chức hoạt động, chắc chắn còn nhiều hạn chế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Chỉ thị 32 - CT/TW ngày 09/12/2003, về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội.
- [2]. Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Báo cáo Tổng kết Chỉ thị số 32 - CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội.
- [3]. Bộ Tư Pháp (2005), *Luật Giáo dục*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Bộ Tư Pháp (2012), *Luật Giáo dục Đại học*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
- [5]. Bộ Tư Pháp (2014), *Luật Giáo dục nghề nghiệp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Bộ Tư Pháp (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Hệ thống các văn bản về phổ biến, giáo dục pháp luật*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- [8]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Kỷ yếu hội thảo Đánh giá thực trạng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường*, Hà Nội.
- [9]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [10]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [11]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [12]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

- [13]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [14]. Quốc Hội, *Hiến pháp Việt Nam (năm 2013,1992,1980,1959,1946) (2014)*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- [15]. Trung tâm học liệu Thái Nguyên (2002), *Từ điển Từ và ngữ Hán Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [16]. Lê Thị Bích Hằng (2014), *Giáo dục pháp luật trong trường trung học phổ thông từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học.
- [17]. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2013), *Lý luận dạy học đại học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [18]. Nguyễn Thị Hoàn (2014), *Vai trò của giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật cho sinh viên hiện nay*, Hà Nội.
- [19]. Nguyễn Đăng Đình Lục (1999), *Giáo dục pháp luật trong nhà trường*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [20]. Lênin V.I (1976), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Tiến bộ. Hà Nội.
- [21]. Lênin V.I (1976), *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Tiến bộ. Hà Nội.
- [22]. Hồ Chí Minh (1984), *Tuyển tập*, tập 2, Nxb. Sự thật. Hà Nội.
- [23]. Võ Khánh Minh, *Giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Hà Nội.
- [24]. Hoàng Phê (1992), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [25]. Hoàng Thị Kim Quế (2003), "Bàn về ý thức pháp luật", *Tạp chí Luật học*, số 1/2003.
- [26]. Nguyễn Công Sơn (2014), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số từ thực tiễn tỉnh Gia Lai*, Luận văn Thạc sĩ Luật học.
- [27]. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2010), *Giáo trình pháp luật đại cương*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [28]. Lê Văn Thơi (2014), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học môn Pháp luật đại cương cho sinh viên đại học Thủy lợi hiện nay*, Hà Nội.

- [29]. Võ Khánh Vinh (chủ biên, 2011), *Giáo dục quyền con người - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [30]. Trang thông tin điện tử Chính phủ: www.chinhphu.vn
- [31]. Trang thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo: www.moet.gov.vn
- [32]. Trang thông tin điện tử UBND tỉnh Bình Định: ww.binhdingh.gov.vn

PHỤ LỤC

Bảng 1. Hệ thống các trường đại học, cao đẳng tại tỉnh Bình Định

Trường	Đơn vị trực thuộc	Bộ chủ quản
Đại học Quang Trung	Đơn vị thuộc tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Cao Đẳng Bình Định	Đơn vị thuộc tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Cao đẳng Y tế Bình Định	Đơn vị thuộc tỉnh	Bộ Y tế
Cao đẳng Nghề Quy Nhơn	Đơn vị thuộc tỉnh	Bộ LĐ, TB và XH
Đại học Quy Nhơn	Đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Cao đẳng nghề Cơ điện - Xây dựng và Nông Lâm Trung bộ	Đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh	Bộ NN và PTNT

(Nguồn: khảo sát thực tế)

Bảng 2. Ngành nghề đào tạo trình độ cao đẳng nghề của các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Định

Trường	Ngành nghề đào tạo
Đại học Quang Trung	QTKD; TCNH; Kinh tế nông nghiệp; Kế toán, Kinh tế; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ thông tin; Ngôn ngữ Anh
Đại học Quy Nhơn	42 ngành đào ĐH, 3 ngành liên thông ĐH, 8 ngành CĐ sư phạm và tổng hợp thuộc các khối ngành khoa học tự nhiên - khoa học xã hội, kinh tế, điện kỹ thuật, xây dựng, hóa dầu, nông học
Cao Đẳng Bình Định	GD mầm non, GD tiểu học, SP Toán, VN học, Tiếng Anh, QTKD, Thư ký văn phòng, Tin học ứng dụng, Nuôi trồng thủy sản
Cao đẳng Y tế Bình Định	Điều dưỡng, Dược, Xét nghiệm y học
Cao đẳng Nghề Quy Nhơn	Cắt gọt kim loại; Chế tạo thiết bị cơ khí; Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin Cơ điện tử; Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Hàn; Kế toán doanh nghiệp; Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Quản trị nhà hàng; Tự động hóa

Trường	Ngành nghề đào tạo
	công nghiệp; Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh
Cao đẳng nghề Cơ điện - Xây dựng và Nông Lâm Trung bộ	Công nghệ sinh học; Kế toán doanh nghiệp; Phiên dịch TA thương mại; Thú y; Lâm sinh; Vận hành máy thi công nền; Kỹ thuật sửa chữa máy, lắp ráp máy tính; Khuyến nông lâm, Hàn, Khảo sát địa hình, Kỹ thuật xây dựng, cấp thoát nước; Nuôi trồng thủy sản; Cốt thép-Hàn; Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp

(Nguồn: trực tiếp từ Phòng Đào tạo các trường)

Bảng 3. Thống kê số lượng sinh viên và giảng viên các trường đại học, cao đẳng tại tỉnh Bình Định

Năm học	Đại học		Cao đẳng	
	Sinh viên	Giảng viên	Sinh viên	Giảng viên
2010-2011	28.844	757	5.694	183
2011-2012	30.258	841	6.498	185
2012-2013	31.124	890	6.938	211
2013-2014	26.199	860	5.710	204
2014-2015	23.640	809	4.723	181

(Nguồn: Cục Thống kê Tỉnh Bình Định)

Bảng 4. Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm tại tỉnh Bình Định

Năm học	Đại học	Cao đẳng
2010-2011	5.634	1.190
2011-2012	6.901	1.524
2012-2013	6.704	1.709
2013-2014	8.607	1.842
2014-2015	7.127	1.595

(Nguồn: Cục Thống kê Tỉnh Bình Định)

Bảng 5. Số lượng sinh viên chính quy học học phần pháp luật đại cương hàng năm và số lượng giảng viên giảng dạy pháp luật tại các trường ĐH, CĐ Bình Định

Trường	Năm học 2010-2011		Năm học 2011-2012		Năm học 2012-2013		Năm học 2013-2014		Năm học 2014-2015	
	SLSV	SLGV	SLSV	SLGV	SLSV	SLGV	SLSV	SLGV	SLSV	SLGV
ĐH Quy Nhơn	4.308	4	5.139	4	4.407	6	2.826	8	4.516	8
ĐH Quang Trung	2.012	1	1.931	1	985	1	692	1	475	1
CĐ Bình Định	1.872	1	1.601	1	459	1	750	2	835	2
CĐ Y tế	222	1	373	1	439	1	503	1	507	1
CĐ Nghề Quy Nhơn	2.176	3	2.945	3	3.235	3	2.999	3	2.538	5
CĐ nghề Cơ điện - Xây dựng và Nông Lâm Trung bộ	1.066	1	763	1	623	1	657	1	702	1

(Nguồn: trực tiếp từ Phòng Tổ chức - Cán bộ, Phòng Đào tạo các trường)

Bảng 6. Nội dung chương trình pháp luật đại cương trình độ cao đẳng nghề (theo Thông tư 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Số TT	Tên bài	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1.5	0.5	
2	Bài 2: Nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam	3	2.5	0.5	
3	Bài 3: Luật Nhà nước (Luật Hiến pháp)	2	1.5	0.5	
4	Bài 4: Luật Dạy nghề	2	1.5	0.5	
5	Kiểm tra	1			1
6	Bài 5: Pháp luật Lao động	6.5	5.5	1	
7	Bài 6: Pháp luật Kinh doanh	1.5	1	0.5	
8	Bài 7: Pháp luật Dân sự và Luật Hôn nhân gia đình	3	2.5	0.5	
9	Bài 8: Luật Hành chính và pháp luật Hình sự	3	2	1	
10	Luật Phòng, chống tham nhũng	5	4	1	
11	Kiểm tra	1			1
TỔNG CỘNG		3	22	6	2

Bảng 7. Thống kê xử lý vi phạm pháp luật

Năm	Xử lý vi phạm hành chính		Xử lý vi phạm hình sự	
	Đối tượng thanh niên (vụ/đối tượng)	Đối tượng sinh viên (vụ/đối tượng)	Đối tượng thanh niên (vụ/đối tượng)	Đối tượng sinh viên (vụ/đối tượng)
2011	114/124	5/5	19/21	2
2012	118/133	6/8	18/20	2
2013	124/138	7/10	20/23	3
2014	135/148	6/8	22/24	2
2015	132/137	8/9	25/26	3

(Nguồn: Cơ quan Công an Tỉnh Bình Định)

Bảng 8. Các văn bản liên quan đến GDPL và GDPL cho SV

STT	
1	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 ngày 20/6/2012
2	Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.
3	Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BGDĐT-BTP hướng dẫn việc phối hợp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường ngày 16/11/2010.
4	Thông tư 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình khung, giáo trình môn học pháp luật dùng trong đào tạo trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
5	Thông tư 11/2010/TT-BGDĐT ngày 23/3/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành khoa học sức khỏe, trình độ cao đẳng.
6	Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2010 quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học.
7	Quyết định số 711/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/6/2012, về

STT	
	việc phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”.
8	Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 13/2003/QĐ - TTg ngày 17/01/2003, phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2003 đến năm 2007.
9	Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/03/2008, Phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012.
10	Quyết định số 1928/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/11/2009, phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường”.
11	Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 9/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI).
12	Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/01/2010, về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật.
13	Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.
14	Quyết định 366/QĐ-BGDĐT ngày 27/1/2014 ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật ngoại khóa cho học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp giai đoạn 2013 - 2016.
15	Công văn số 2456/BGDĐT-PC ngày 27/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổng kết thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường” giai đoạn 2013-2016.
16	Thông báo kết quả Hội thảo toàn quốc về công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông báo số 314/TB-BGDĐT ngày 12/5/2014.
17	Hướng dẫn công tác PBGDPL trong nhà trường, số 2195/BTP-PBGDPL ngày 6/5/2014; Hướng dẫn công tác PBGDPL trong nhà trường năm 2014, số 2196/BTP-PBGDPL ngày 6/5/2014.

STT	
18	Kế hoạch PBGDPL trên địa bàn tỉnh Bình Định các năm 2011 (QĐ số 25/QĐ-UBND ngày 14/1/2011), năm 2012 (QĐ số 61/QĐ-UBND ngày 7/2/2012; năm 2013 (QĐ số 187/QĐ-UBND ngày 21/1/2013), năm 2014 (QĐ số 405/QĐ-UBND ngày 21/2/2014, năm 2015 (QĐ số 31/QĐ-UBND ngày 8/1/2015).
19	Quyết định số 2824/QĐ-CTUBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ngày 6/12/2010 về việc thực hiện “Ngày pháp luật” trên địa bàn tỉnh Bình Định.
20	Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 30/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc tổ chức Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.